

# CÁC TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14000 VÀ VIỆC THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC NHÀ XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG PHÁT TRIỂN

## Lời giới thiệu

Trong một vài năm lại đây, người ta đã xây dựng được một số lượng ngày càng tăng các tiêu chuẩn quốc gia và khu vực trong lĩnh vực cấp nhãn hiệu sinh thái, quản lý môi trường và kiểm toán. Hiện nay trên thế giới có gần 20 kế hoạch cấp nhãn hiệu sinh thái quốc gia bao gồm cả ở một số nước đang phát triển như Brazil, Ấn Độ, Hàn Quốc. Việc xây dựng các tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường đã bắt đầu vào năm 1992 với tiêu chuẩn BS 7750 của Anh đã dẫn đến việc xây dựng các tiêu chuẩn tương tự ở một số các nước khác. Ở cấp khu vực, Liên hiệp Châu Âu đã thiết lập nhãn hiệu sinh thái của cộng đồng này vào năm 1992. Một kế hoạch quản lý và kiểm toán Môi trường (EMAS) cũng đã được xây dựng vào năm 1993<sup>2</sup>.

Sự quan tâm quốc tế ngày càng tăng đối với các vấn đề môi trường và sự chấp thuận rộng rãi ISO 9000 đã khuyến khích ISO bắt tay vào việc xây dựng một loạt các tiêu chuẩn về các vấn đề quản lý môi trường. Loạt các tiêu chuẩn mới này, gọi là ISO 14000, dự kiến là sẽ đưa phát hành vào năm 1996.

Nhiều quốc gia tham gia vào việc xây dựng ISO 14000 hy vọng rằng các tiêu chuẩn sẽ được các chính phủ trên thế giới chấp thuận và đưa áp dụng, và chuyển các tiêu chuẩn không bắt buộc trước đây thành các tiêu chuẩn bắt buộc. Ủy ban Tiêu chuẩn Châu Âu (CEN) có thể chấp thuận ISO 14000 theo khuôn khổ của kế hoạch quản lý và kiểm toán môi trường (EMAS).

Nếu các tiêu chuẩn trở thành yêu cầu đối với doanh nghiệp tại các nước phát triển, thì sẽ nảy sinh ra một số câu hỏi. Các tiêu chuẩn sẽ có tác động nào đối với các nước đang phát triển? Các tiêu chuẩn và các thủ tục mà họ áp dụng có gây ra các ảnh hưởng xấu tiềm tàng đối với thương mại của những nước này hay không? Báo cáo này tổng hợp những yêu cầu chủ chốt của các loạt ISO 14000 sắp xuất bản và đặt chúng trong bối cảnh rộng hơn của thương mại quốc tế.

Trong Chương 1, báo cáo bàn về nội dung của loạt các tiêu chuẩn ISO 14000, gồm cả các lý do tại sao phải đưa ra các tiêu chuẩn này và tóm lược về các vấn đề hiện đang tiến hành. Chương 2 bàn về việc thực hiện của các tiêu chuẩn đối với các công ty thương mại quốc tế có tập trung đặc biệt với các công ty tại các nước đang phát triển. Những vấn đề tiềm tàng trong tương lai cũng được xác định ở chương này. Các chiến lược giúp đỡ những nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển và tránh các hàng rào cản trở tiềm tàng trong thương mại cũng được bàn đến trong chương 3. Sau đó là những kết luận.

## 1. Loạt các tiêu chuẩn ISO 14000 về Quản lý Môi trường

### 1.1. Lý do và cách thức ISO xây dựng các tiêu chuẩn quản lý Môi trường

Tháng Giêng năm 1993, ISO đã lập ra Ủy ban Kỹ thuật (TC) 207 để xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường. Mục đích của việc khởi xướng mới này là:

- cung cấp cơ sở cho việc hoà nhập các tiêu chuẩn hiện có cũng như các nỗ lực trong tương lai trong lĩnh vực này, nhằm tạo điều kiện cho thương mại quốc tế.

- hỗ trợ việc "bảo vệ môi trường cân đối với những nhu cầu kinh tế xã hội"<sup>3</sup> bằng cách đảm bảo cho các tổ chức có được công cụ để đạt được và cải thiện về biện pháp trong hoạt động môi trường.

Số các nước tham gia vào Ủy ban kỹ thuật 207 ngày càng tăng, có đến 64 nước tham dự cuộc họp lần đầu tiên tổ chức vào tháng 6 năm 1995 - gần 60% tổng số các thành viên của ISO.

Mỗi nước thành viên có thể tham gia tích cực vào tiến trình xây dựng tiêu chuẩn hoặc là nước quan sát viên. Nước quan sát viên không có quyền bầu cử song có quyền tham dự các cuộc họp và được thông báo bằng thư tín. Các nước thành viên tham gia có "các cơ quan thành viên" ISO, chịu trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn trong nước mình.

Những cơ quan này phần lớn là các cơ quan nhà nước. Các tổ chức quốc tế có mối liên lạc với ISO cũng tham gia vào công việc hoặc quan sát công việc của ISO. Xem phụ lục 1 về các thành viên của TC 207.

TC 207 bao gồm các đại diện chính thức của các tổ chức công nghiệp, các tổ chức tiêu chuẩn, tổ chức chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức quốc tế. Phần lớn các đại biểu là từ các nước Tây Âu Canada và Mỹ. Các đại diện từ các nước đang phát triển tới nay chưa có mặt tại các cuộc họp của TC 207. Kết quả là các tiêu chuẩn đã được soạn thảo bước đầu theo tinh thần công nghiệp hoá.

Về mặt nội dung TC 207 được chia ra thành 6 Tiểu ban (TB) mỗi Tiểu ban chịu trách nhiệm về một lĩnh vực quản lý môi trường cụ thể:

•

TB1 : Các hệ thống quản lý môi trường;

- TB2: Kiểm toán môi trường;
- TB3: Cấp nhãn hiệu môi trường;
- TB4: Đánh giá hoạt động môi trường;
- TB5: Đánh giá chu trình sống;
- TB6: Thuật ngữ và định nghĩa.

Tiểu ban chịu trách nhiệm về việc ra quyết định chính thức để cho phép một Dự thảo công tác (WD), có được vị trí một Dự thảo của toàn Ban (CD). CD được chuyển tới các thành viên lấy ý kiến và bỏ phiếu thông qua và để đăng ký nó như là một dự thảo tiêu chuẩn quốc tế (DIS). Cần có 80% phiếu thuận để một tài liệu có thể chuyển sang bước tiếp theo. Mỗi nước thành viên tham gia sẽ có một phiếu bầu. Khi tiêu chuẩn đó được chấp thuận là một tiêu chuẩn ISO, nó được phổ biến tới các nước thành viên để chấp thuận nó như là tiêu chuẩn quốc gia của mình.

Trong tiến trình đạt được sự nhất trí về việc phê chuẩn một dự thảo, các Tiểu ban phải xem xét lại một loạt các ý tưởng và các cách tiếp cận có mâu thuẫn. Những triển vọng từ các nước, các ngành công nghiệp khác nhau hoặc thậm chí từ các công ty riêng lẻ phải ảnh hưởng không chỉ sự khác nhau về văn hoá mà còn những kinh nghiệm khác nhau đối với các vấn đề môi trường và các lợi ích cá nhân của các thành viên tham gia. Các đoàn đại biểu của các quốc gia cũng có quan tâm tới việc bảo vệ các tiêu chuẩn quốc gia hiện có của mình.

Phần lớn thành phần các đoàn đại biểu các quốc gia không cân xứng tới mức, hoặc là một số toàn các đại diện về tiêu chuẩn quốc gia, một số toàn các cố vấn hoặc một số khác lại toàn đại diện các ngành công nghiệp.

Vì các Dự thảo của toàn Ban hiện có có xu hướng thay đổi cho tới khi đạt được văn bản tiêu chuẩn cuối cùng của mình, các ý tưởng chính của loạt các tiêu chuẩn ISO 14000 có thể được tổng kết trên cơ sở của những tài liệu này.

## 1.2. Nội dung của loạt các tiêu chuẩn ISO 14000

Loạt 14000, theo dự kiện hiện nay, sẽ bao gồm trên 20 tiêu chuẩn riêng (Xem phụ lục

### 2) Các hệ thống quản lý Môi trường<sup>4</sup>

Một hệ thống quản lý môi trường (EMS) được coi như là một cơ cấu tổ chức, bao gồm các thủ tục, các quá trình, các nguồn lực và những trách nhiệm thực hiện quản lý môi trường. Một hệ thống như thế phải tạo cho các tổ chức có khả năng đạt được kết quả và thể hiện được việc tuân thủ theo các quy định. Nó phải cho phép các tổ chức kiểm soát được tác động môi trường của mọi hoạt động, mọi sản phẩm và dịch vụ có lưu ý tới chính sách và các mục tiêu môi trường tự xác định. Những mục tiêu này cần phải bao gồm các lĩnh vực môi trường mà các tổ chức đó có thể kiểm soát và muốn có ảnh hưởng đối với chúng.

Các tiêu chuẩn dựa vào cơ sở là các tổ chức này sẽ định kỳ xem xét lại và đánh giá các hệ thống nhằm cải thiện các hoạt động môi trường.

Tài liệu chi tiết hoá các hệ thống quản lý môi trường, CD 14001, xác định các yêu cầu chủ chốt của một hệ thống quản lý môi trường, và sẽ được bên thứ ba tiến hành kiểm toán để cấp chứng chỉ/ đăng ký<sup>5</sup>. Một tài liệu hướng dẫn riêng cung cấp những thông tin bổ sung cho việc giải thích CD 14001, chứ không có ý định để cấp chứng chỉ.

Ngoài yêu cầu tuân thủ luật pháp được áp dụng và tiếp tục cải thiện hoạt động môi trường, tiêu chuẩn không đưa ra chỉ tiêu thực hiện chính xác.

Vì thế hai tổ chức có trách nhiệm trong những hoạt động tương tự nhau nhưng có hoạt động môi trường khác nhau có thể đều đáp ứng được những yêu cầu này như khi cam kết thực hiện luật pháp.

Lý do để ISO không đưa ra các ngưỡng cụ thể cho hoạt động là để cho phép các tiêu chuẩn áp dụng được tại các nước khác nhau có các quy chế và các điều kiện môi trường khác nhau.

CD 14001 xác định các yếu tố chủ chốt sau đây của một hệ thống quản lý môi trường:

#### 1. Xác định chính sách<sup>6</sup>:

Xác định một chính sách quản lý môi trường cấp cao. Chính sách này bao gồm các mục tiêu tổ chức liên quan tới hoạt động môi trường. Nó phải được tư liệu hoá, truyền đạt cho mọi cán bộ và cho quảng đại quần chúng.

#### 2. Giai đoạn quy hoạch:

- Xác định các lĩnh vực môi trường<sup>7</sup> và các yêu cầu pháp lý liên quan tới các hoạt động, các sản phẩm và các dịch vụ của công ty;
- Xây dựng và tư liệu hoá các mục tiêu và các đối tượng môi trường<sup>8</sup> tại mỗi cấp tổ chức thích hợp. Các giải pháp kỹ thuật<sup>9</sup> và các quan điểm của các bên quan tâm phải được lưu ý tới;
- Xây dựng một chương trình quản lý môi trường<sup>10</sup> nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Định rõ trách nhiệm ở từng cấp tổ chức: tư liệu hoá và thông tin về những trách nhiệm này;
- Cụ thể hoá các biện pháp và thời hạn đạt được các mục tiêu nêu ra.

### 3. Giai đoạn thực hiện:

- Cung ứng công nghệ, tài chính và nhân lực cần thiết cho các hệ thống quản lý môi trường; chỉ định đại diện quản lý cụ thể<sup>11</sup>
- Đào tạo và các phương pháp nâng cao nhận thức cho nhân viên<sup>12</sup>.
- Các quy trình truyền thông nội bộ và ra bên ngoài;
- Tư liệu hoá và kiểm soát tài liệu<sup>13</sup>
- Kiểm soát việc vận hành hệ thống.

### 4. Giai đoạn kiểm tra:

- Giám sát và đánh giá tiến trình vận hành cũng như việc thiết lập một chương trình kiểm toán hệ thống quản lý môi trường nhằm xác định sự tuân thủ theo các mục tiêu và các yêu cầu tiêu chuẩn và cung cấp thông tin cho việc thẩm định quản lý;
- Hoạt động phòng ngừa và sửa chữa trong trường hợp không tuân thủ và tư liệu hoá các hoạt động đó;
- Duy trì các hồ sơ môi trường, bao gồm cả các hồ sơ đào tạo, kiểm toán và các kết quả thẩm định.

### 5. Thẩm định của cấp quản lý:

Cấp quản lý phải thẩm định hệ thống quản lý môi trường nhằm đảm bảo là hệ thống vẫn tiếp tục một cách có hiệu quả, dựa vào các kết quả kiểm toán, việc thay đổi hoàn cảnh và sự cam kết cải thiện. Những thay đổi phải được tư liệu hoá.

### ***Kiểm toán môi trường***

Kiểm toán môi trường (EA) là một quá trình được tư liệu hoá có hệ thống nhằm thu nhận chứng cứ là một hoạt động môi trường hay một hệ thống quản lý có tuân thủ theo tiêu chuẩn kiểm toán đặt ra hay không. Một chương trình kiểm toán môi trường được coi là biện pháp đánh giá việc thực hiện hợp lý và duy trì một hệ thống quản lý môi trường cũng như xác định các lĩnh vực cải thiện tiềm tàng.

TC 207 cung cấp hướng dẫn cho các tổ chức về việc làm thế nào để thực hiện kiểm toán nội bộ hệ thống quản lý môi trường. Một số các nguyên lý chung về tiến trình kiểm toán môi trường được đưa ra như sau:

- kiểm toán môi trường phải được thực hiện theo cách thức khách quan và có hệ thống
- phải theo các phương pháp luận, các mục tiêu và các tiêu chuẩn xác định rõ ràng
- các chứng cứ của những kết quả kiểm toán phải dựa trên việc phân tích, lý giải và tư liệu hoá các thông tin phù hợp
- các biện pháp thu thập chứng cứ bao gồm: phỏng vấn, xem xét các tài liệu và các thủ tục lấy mẫu cũng như quan trắc các hoạt động.

Tiếp theo TC 207 xác định các tiêu chuẩn trình độ nghề nghiệp đối với các chuyên gia kiểm toán, như trình độ văn hoá, kinh nghiệm công tác, tư cách và trình độ cá nhân. Hệ thống quản lý môi trường và các tài liệu kiểm toán được đưa ra dưới dạng các biểu bảng như là Tiêu chuẩn quốc tế dự thảo vào tháng 6 năm 1995. Chúng dự kiến sẽ được phát hành vào đầu năm 1996.

### ***Đánh giá hoạt động môi trường và các chỉ số***

Các tiêu chuẩn về đánh giá hoạt động môi trường (EPEW) và các chỉ số tạo ra một công cụ cho các công ty thiết lập nên một hệ thống thẩm định hoạt động môi trường riêng cho mình. Hệ thống này phải bao quát ba lĩnh vực: hệ thống quản lý môi trường của công ty, hệ thống vận hành nó, và tình trạng môi trường bị tác động bởi các hoạt động đó. Phương pháp luận, phạm vi và nội dung của ba lĩnh vực này cũng như những mối liên quan qua lại của chúng đã được bàn đến. Những kết quả làm việc của đánh giá hoạt động môi trường cũng được tóm tắt trong Dự thảo Công tác. Dự thảo công tác bao gồm các đề cương về các chỉ số<sup>14</sup>, cũng như các hướng dẫn về thu thập và phân tích dữ liệu. Dự thảo Tiêu chuẩn quốc tế dự kiến sẽ phát hành vào 1996/1997.

### ***Đánh giá chu trình sống***

Đánh giá chu trình sống (LCA) là quá trình phân tích tác động môi trường của sản phẩm (sử dụng nguyên liệu, năng lượng, gây ô nhiễm đất, nước, không khí) trong suốt một chu trình sống của sản phẩm đó (từ chiếc nôi đến nấm mồ). Việc phân tích bao gồm giai đoạn khai thác tài nguyên, sản xuất, phân phối, sử dụng/tiêu thụ và loại bỏ các tiêu chuẩn ISO xác định những yêu cầu chung đối với việc thực hiện việc Đánh giá chu trình sống và báo cáo những kết quả của nó. Mục đích của những tiêu chuẩn này là cung cấp cho các công ty một công cụ ra quyết định cũng như đánh giá các phương pháp sản xuất thay thế.

Chúng có thể được sử dụng để giúp cho việc xác nhận nhãn hiệu môi trường hoặc lựa chọn các chỉ số môi trường. Khi xây dựng các tiêu chuẩn này đã gặp phải khó khăn do thiếu kiến thức cụ thể về các tác động môi trường, chỉ có một tài liệu về các nguyên lý chung, tại thời điểm hiện nay là có tính pháp lý của một Dự thảo của toàn Ban.

### ***Cấp nhãn hiệu Môi trường***

Các kế hoạch cấp nhãn hiệu sinh thái, chủ yếu là dựa trên những khởi xướng của chính phủ, nhằm gây ảnh hưởng vào các quyết định tiêu thụ để chọn lựa những sản phẩm thân thiện về mặt môi trường và thúc đẩy việc tạo ra những sản phẩm như vậy. Đối với khu vực tư nhân, các nhãn hiệu sinh thái là thuộc mối quan tâm từ triển vọng tiếp thị. Chúng là phương thức chứng tỏ chất lượng môi trường của một sản phẩm, hoặc chứng tỏ các đặc tính ưu việt và các dịch vụ đối với người tiêu dùng, có tác động tích cực đến việc quyết định lựa chọn một sản phẩm<sup>15</sup>.

Các tiêu chuẩn về cấp nhãn hiệu sinh thái có tác dụng đưa ra một cách tiếp cận phù hợp giữa các quốc gia nhằm đánh giá các đặc tính môi trường của một sản phẩm và cung cấp thông tin đó tới người tiêu dùng.

Các tư liệu dự thảo tiêu chuẩn ISO xác định ba kiểu cấp nhãn hiệu:

- Kiểu các nhãn hiệu I, do một bên thứ ba (nhà nước hoặc tư nhân) cấp, là bên đưa ra các chỉ tiêu. Những nhà sản xuất đăng ký vào các chương trình này trên cơ sở tự nguyện.
- Kiểu nhãn hiệu II, dựa trên những xác nhận tự tuyên bố của các nhà sản xuất, nhập khẩu, phân phối, người bán lẻ hoặc những người khác được hưởng lợi ích từ những xác nhận đó.
- Kiểu nhãn hiệu III là các nhãn hiệu thông tin về sản phẩm được xác định đủ tiêu chuẩn, chúng dựa vào các chỉ số định trước không đo đếm hoặc so sánh được<sup>16</sup>.

Những khởi xướng gần đây của Tiểu ban 3 gồm có một hướng dẫn đưa ra 9 nguyên tắc cơ bản cho các chương trình cấp nhãn hiệu môi trường phải tuân theo nhằm tránh các hàng rào thương mại phi thuế quan<sup>17</sup>. Các chương trình cần phải:

1. không được nhầm lẫn và làm cho các thuộc tính của sản phẩm phải rõ ràng;
2. tạo lập thông tin cấp nhãn hiệu môi trường trên cơ sở cách tiếp cận chu trình sống;
3. sử dụng các phương pháp khoa học và mô phỏng để đánh giá tác động môi trường của sản phẩm;
4. tuân theo các hướng dẫn đã được thừa nhận liên quan tới các phương pháp kiểm định và tránh việc kiểm định lạo ra các hàng rào thương mại;
5. sử dụng các quy trình và các phương pháp rõ ràng;
6. đảm bảo sự tiếp cận công bằng cho mọi bên;
7. bao gồm cả hệ thống thông tin người tiêu dùng;
8. xử lý các sản phẩm trong nước và của nước ngoài theo một cách thức rõ ràng không có phân biệt;
9. khuyến khích cải tiến nhằm cải thiện hoạt động môi trường, xem xét lại các chỉ tiêu cấp nhãn một cách định kỳ nhằm kết hợp thêm những triển khai mới.

Một dự thảo về các chương trình cấp nhãn kiểu I xác định những nguyên tắc và những thông lệ đảm bảo độ tin cậy và thực chất không phân biệt của việc cấp nhãn của bên thứ ba:

- Các thông lệ phải dựa vào 9 nguyên tắc cơ bản đã được nêu ở trên;
- Định nghĩa loại sản phẩm và các chỉ tiêu sinh thái cần phải đưa vào tất cả các cách tiếp cận công nghiệp thay thế và tránh việc bỏ sót sản phẩm hoặc quy trình liên quan được chấp nhận về mặt môi trường tại nước sản xuất;
- Việc xây dựng các chỉ tiêu phải đề ngỏ để cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước tham gia xây dựng;
- Những yêu cầu liên quan tới mặt bằng sản xuất phải quan tâm đến những yêu cầu về môi trường quốc gia của nước sản xuất.
- Các thủ tục hành chính nhằm thẩm tra việc cấp nhãn hiệu cho người sản xuất phải không được phân biệt.

Để hoà hợp việc sử dụng những xác nhận tự tuyên bố, Tiểu ban 3 đưa ra những thuật ngữ và những định nghĩa cho việc cấp nhãn hiệu kiểu II. Những xác nhận này có thể có những hình thức khác nhau, như các tuyên bố, các ký hiệu, các đồ thị về sản phẩm hoặc bao gói, tài liệu về sản phẩm hoặc quảng cáo. Tiểu ban 3 xác định ra các thuật ngữ cụ thể được sử dụng trong các xác nhận môi trường, như thuật ngữ "tái chế được" hoặc "phân huỷ sinh học được". Những định nghĩa khác của những thuật ngữ như vậy có thể ít được rõ ràng hơn. Bằng cách đưa ra một định nghĩa chung, ISO nhằm mục đích làm giảm những hạn chế ngăn cản thương mại và cả sự nhầm lẫn của người tiêu dùng về những xác nhận như vậy.

Tiểu ban 3 chưa xây dựng được một tài liệu dự thảo nào về nhãn hiệu kiểu III, song hiện đang bàn bạc về những dự án mới trong lĩnh vực này.

### 1.3. Những vấn đề chủ chốt của sự tranh luận hiện nay

Ngoài việc tranh luận về nội dung của các tiêu chuẩn, những vấn đề sau đây hiện đang được tiếp tục tranh luận:

#### *Các thủ tục đánh giá việc tuân thủ*

Ủy ban Đánh giá sự tuân thủ của Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế (CASCO) chịu trách nhiệm về những vấn đề thực hiện việc tuân theo các tiêu chuẩn do Ủy ban Kỹ thuật xây dựng nên. Trong thời gian Hội thảo chung giữa TC207 và CASCO vào tháng 6 năm 1995, người ta đã nhấn mạnh đến nhu cầu rất lớn đối với việc phải xây dựng các nguyên tắc chỉ đạo cho các thủ tục Ủy nhiệm và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực quản lý môi trường.

Các cơ quan Ủy nhiệm sẽ xây dựng những yêu cầu đối với việc đăng ký với tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường và các chỉ tiêu để xác định có đủ điều kiện hay không cho các cơ quan đăng ký.

Cơ quan đăng ký phải xét xem tổ chức đó có đáp ứng các yêu cầu để trở thành tổ chức được đăng ký tiêu chuẩn ISO 14001 hay không. Cơ quan đăng ký tự mình phải đáp ứng được các yêu cầu mà cơ quan ủy quyền áp dụng. Người đã đăng ký thuê các kiểm toán viên là những người được đào tạo để thực hiện các kiểm toán trong các công ty muốn đăng ký.

Có những mô hình khác nhau về hệ thống quốc gia đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn ở các nước phát triển. Các tiêu chuẩn đối với người đăng ký để cấp chứng chỉ cho các công ty là chưa thống nhất quốc tế. Các kiểm toán viên cũng chưa được quốc tế thừa nhận và việc đào tạo kiểm toán viên thường khác nhau ở mỗi nước. Đề xuất hiện nay là các cơ quan của Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế<sup>18</sup> cần phải xây dựng một hệ thống toàn cầu nhằm đảm bảo việc đăng ký đạt được ở một nước phải được thế giới thừa nhận và chấp thuận.

Dự thảo của toàn Ban 14001 đã dành nhiều chỗ cho việc giải thích đối với người sử dụng tiêu chuẩn. Các thuật ngữ như "phù hợp" "có ý nghĩa" hoặc yêu cầu về "cải thiện liên tục" có thể khó đánh giá và người sử dụng ở các nước khác nhau hiểu theo cách khác nhau. Và do đó cơ sở cho các thực tế phù hợp với quốc tế để đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn là việc giải thích tài liệu. Trong thời gian hội thảo người ta đã đề nghị là CASCO phải thực hiện chức năng giải thích này. Mặc dù cần phải có sự hoà hợp và cũng cần phải có sự linh hoạt để tránh gây điều kiện không thích hợp cho các nước nào đó.

### ***Các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ***

Một số đoàn đại biểu từ các nước đang phát triển thấy cần phải tách riêng việc hướng dẫn EMS cho các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ (SMEs). Các chuyên gia thuộc Tiểu ban I không nhất trí và nhấn mạnh rằng các tài liệu hiện có đã được soạn thảo để áp dụng được cho tất cả các công ty.

### ***Hoà hợp ISO 14000 và ISO 9000***

Một trong những mục đích của Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế là kết hợp ISO 9000 và ISO 14000 với nhau sao cho các công ty có thể thiếp lập chỉ một hệ thống quản lý và chỉ thực hiện một kiểm toán. Vì việc này có thể giảm được chi phí và được coi là một ưu điểm đặc biệt đối với các xí nghiệp công nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Một nhóm đặc trách chung giữa TC207 và TC176 (ISO 9000) hiện làm việc nhằm đảm bảo sao cho hai loạt tiêu chuẩn này phù hợp với nhau. Một số người tham gia tin rằng các tiêu chuẩn quản lý môi trường rất cuộc có thể được kết hợp với tiêu chuẩn ISO 9000 sao cho ISO 14000 trở thành một bộ phận của hệ thống này để cho các công ty được cấp chứng chỉ.

### ***ISO 14000 và Kế hoạch Quản lý và Kiểm toán Môi trường Châu Âu***

Ủy ban tiêu chuẩn Châu Âu (CEN) hiện đang xem xét cân nhắc là các tiêu chuẩn ISO 14000 sẽ được thừa nhận hay không trong Kế hoạch quản lý và kiểm toán môi trường Châu Âu (EMAS). Dự thảo ISO 14001 hiện có không bao quát được tất cả các yêu cầu của EMAS. Những yêu cầu trong EMAS, thí dụ liên quan tới các chỉ tiêu hoạt động và tiết lộ thông tin, là các yêu cầu chặt chẽ hơn nhiều so với ISO 14000<sup>19</sup>. Mặc dù ISO ở mức độ nào đó cũng đã đạt được các yêu cầu của Ủy ban tiêu chuẩn Châu Âu, nhưng Ủy ban tiêu chuẩn Châu Âu thì chưa nhất trí hoàn toàn việc chấp thuận ISO 14001 và các tiêu chuẩn liên quan.

## **2. Việc thực hiện đối với các công ty và phát triển thương mại đất nước**



## 2.1 Các Hệ thống quản lý Môi trường

Cho đến nay, chưa có kinh nghiệm về ISO 14001 và việc điều tra về việc thực hiện nó của các công ty và phát triển thương mại trong nước có thể chỉ dựa trên những dự tính và kinh nghiệm của các tiêu chuẩn hiện có. Những kết quả sau đây là dựa vào ý kiến của các chuyên gia thuộc TC207, thu thập được thông qua các phiếu điều tra và phỏng vấn cá nhân<sup>20</sup>.

Hệ thống quản lý môi trường và kiểm toán các tiêu chuẩn đặc biệt được hy vọng là sẽ được một số lớn các nước đưa áp dụng với tính cách là các tiêu chuẩn môi trường tự nguyện<sup>21</sup>. Tác động chính của việc cấp chứng nhận hệ thống quản lý môi trường sẽ xảy ra trong giao dịch thương mại giữa các công ty. Hơn nữa, các chính phủ có thể yêu cầu giấy chứng nhận như là một điều kiện đối với những công ty xin đấu thầu<sup>22</sup>. Các công ty bảo hiểm và các ngân hàng có thể sử dụng giấy chứng nhận của hệ thống quản lý môi trường như là một chỉ tiêu của khoản đóng bảo hiểm và các điều kiện cấp tín dụng. Nói chung, việc cấp chứng nhận có thể là quan trọng trong các ngành công nghiệp mà ở đó rủi ro môi trường cũng như vi phạm luật pháp môi trường là rất cao, thí dụ như các ngành công nghiệp hoá chất và hoá dầu, khai thác mỏ, lâm nghiệp, công nghiệp thép và điện tử. Trong các ngành có tác động môi trường tương đối thấp, thì các tiêu chuẩn không chắc là sẽ trở thành thực tế kinh doanh<sup>23</sup>.

### *Việc thực hiện đối với các công ty nói chung*

Một công ty sẽ thực hiện các tiêu chuẩn ISO 14001, cần phải kết hợp các yếu tố chủ chốt đã được đề cập đến trong tiêu chuẩn (xem chương 12) vào trong cơ cấu tổ chức của mình. Công ty đó cần phải lập nên các hệ thống quản lý, kiểm toán và đánh giá hoạt động môi trường. Công ty cần phải tập trung sử dụng việc phân tích chu trình sống trong việc ra quyết định về các sản phẩm và các quy trình mới là những vấn đề cần có sự nghiên cứu. Hơn nữa, công ty sẽ phải xây dựng một quy trình truyền thông ra ngoài về các chính sách môi trường của mình.

Những hệ thống sẽ đòi hỏi sự kết hợp thống nhất áp dụng trong các cấp và các quy trình sản xuất của công ty và sẽ ảnh hưởng tới các thông số cơ bản của việc quản lý và ra quyết định. Chúng yêu cầu có sự cam kết của tất cả các nhân viên tham gia vào những quy trình sản xuất này, đặc biệt là cam kết của những lãnh đạo cao nhất.

Cũng như đối với ISO 9000, các công ty áp dụng các tiêu chuẩn sẽ bị kiểm toán bởi một bên thứ ba (nơi đã ký). Phần lớn các chuyên gia cho rằng ý kiến cho phép các công ty tự tuyên bố áp dụng ISO 14001, trong thực tế là sẽ không phù hợp. Nơi đăng ký sẽ có khả năng kiểm tra lại việc cam kết trên từng cấp chức năng, bằng cách điều tra công ty và trao đổi chuyện trò với công nhân. Thậm chí trong các công ty đã có chương trình môi trường, mức độ và nhận thức cần thiết của các cán bộ làm việc liên quan tới tiêu chuẩn cũng có thể là còn chưa có. Do việc phần lớn các công ty chưa quản lý đối với các lĩnh vực môi trường theo cách tiếp cận hệ thống, các chuyên gia cho rằng các tiêu chuẩn sẽ có tác động đáng kể đến việc là các công ty sẽ quản lý các vấn đề môi trường như thế nào trong tương lai.

### *Các chi phí cho việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn*

Các chuyên gia đều nhất trí là việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn ISO 14000 nói chung sẽ là rất tốn kém cho từng công ty. Các chi phí liên quan gồm có 3 loại như sau:

- chi phí cho việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý môi trường;
- Các chi phí tư vấn; và

- chi phí cho việc đăng ký với bên thứ ba

Những chi phí này phụ thuộc vào chi phí thời gian thực hiện và đăng ký hệ thống quản lý môi trường của công ty. Một công ty nhỏ hơn có thể, do cơ cấu ít phức tạp hơn và các sản phẩm ít đa dạng hơn, cần ít thời gian hơn so với một công ty lớn và do đó chi phí thấp hơn. Các chuyên gia dự tính là một công ty nào có chương trình và chính sách môi trường rồi thì có thể giảm được thời gian cần cho việc thực hiện một hệ thống quản lý môi trường là khoảng 20% so với một công ty chưa có chương trình môi trường<sup>24</sup>. Các chuyên gia nhất trí rằng sự có mặt của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 sẽ tạo điều kiện cho tiến trình thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001. Trong trường hợp này thì đã có sẵn một số các thủ tục và chuyên gia cần thì ít. Các công ty có thể đáp ứng được các yêu cầu của ISO 14001 bằng cách bổ sung thêm vào hệ thống đã có hoặc sửa đổi lại nó.

Các công ty có thể cần khoảng 30% thời gian ít hơn để thực hiện một hệ thống quản lý môi trường<sup>25</sup>. Một công ty nhỏ bắt đầu từ con số không và dự tính cần thời gian là khoảng 15 tháng, và có thể giảm được thời gian này xuống còn 12 tháng với một điều kiện tiên quyết là đã có một chính sách về môi trường, và 8 tháng nếu đã có hệ thống chất lượng ISO 9000<sup>26</sup>.

### ***Các chi phí cho việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý môi trường***

Những chi phí cho việc xây dựng một hệ thống quản lý môi trường sẽ cần đến năng lực của các nhân viên trong công ty. Những chi phí này chủ yếu là những chi phí nội bộ của công ty, và như với ISO 9000, nó được xác định bằng chi phí thời gian của công nhân<sup>27</sup>. Tuy nhiên các công ty không có kinh nghiệm thực hiện hệ thống môi trường và chất lượng cũng như các công ty nhỏ sẽ cần đến sự trợ giúp từ bên ngoài để xây dựng một hệ thống quản lý môi trường và do đó còn chịu các chi phí từ bên ngoài. Phần lớn các chuyên gia được hỏi ý kiến đều cho rằng việc thực hiện ISO 14001 sẽ không cần đến các nguồn nhân lực bổ sung. Các công ty lớn hơn có thể là đã có cán bộ làm việc trong các lĩnh vực về môi trường và các xí nghiệp công nghiệp quy mô vừa và nhỏ có lẽ sẽ sắp xếp công việc cho những người có các trách nhiệm công việc khác. Trong mọi công ty, việc đào tạo tiếp tục cán bộ sẽ còn là một yếu tố quan trọng đối với một hệ thống quản lý môi trường có hiệu quả. Trong các công ty lớn hơn thì đã có một chương trình môi trường nào đó rồi, và việc đào tạo đó có thể được thực hiện trên một cơ sở không chính quy. Đối với các công ty nhỏ hơn việc đào tạo sẽ tốn kém hơn nhiều vì họ phải sử dụng đến các khả năng đào tạo từ bên ngoài.

Việc thực hiện và duy trì một hệ thống quản lý môi trường sẽ kéo theo một quá trình tư liệu hoá rất phức tạp và tốn kém thời gian. Kinh nghiệm với ISO 9000 đã cho thấy khi các tài liệu cảm nang đã được xây dựng và các nhân viên đã quen với thuật ngữ của ISO, thì việc tư liệu hoá có thể mất ít thời gian hơn trong giai đoạn đầu. Có một số phê phán là ISO 9000 đáng ra là cải thiện về chất lượng thì ISO 9000 lại tập trung nhiều hơn vào việc tư liệu hoá. Khi cơ cấu và các nguyên tắc của ISO 14001 tương tự như ISO 9000 thì việc đó cũng có mỗi nguy cơ tương tự.

Theo ý kiến chuyên gia, việc thực hiện ISO 14001 nhìn chung sẽ không đòi hỏi trang thiết bị công nghệ khác nhau, vì tiêu chuẩn áp dụng cho hệ thống quản lý chứ không phải là chỉ tiêu cho hoạt động. Tuy nhiên yêu cầu về "cải thiện liên tục", có thể cần đến sau đó. Nếu một công ty chuẩn bị cải thiện liên tục thì công ty sẽ phải giảm và thay thế đầu vào và đi theo các thành tựu công nghệ mới.

### ***Chi phí tư vấn***

Một công ty cần đăng ký tiêu chuẩn ISO cần phải thực hiện đánh giá nghiêm khắc các thủ tục và xác định là nó có đáp ứng được tiêu chuẩn ISO 14001 không. Để tránh việc nơi đăng ký tuyên bố

là không tuân thủ, các công ty có thể thuê các cố vấn để giúp đỡ họ thực hiện hệ thống quản lý môi trường. Đối với các công ty nhỏ hơn nếu hệ thống đã được xây dựng nhờ sự hỗ trợ của một công ty làm tư vấn có kinh nghiệm, nơi đăng ký có thể cho rằng việc thực hiện đó là hợp lý hơn.

Kinh nghiệm với ISO 9000 cho thấy các chi phí tư vấn là rất lớn. Một số hãng tư vấn chỉ ra rằng các chi phí đó cho ISO 14000 có thể là cao hơn so với cho ISO 9000 vì nó cần đến các cố vấn có trình độ chuyên môn cao hơn.

Một thí dụ tính toán đưa ra trong phụ lục 3 minh họa những chi tiêu của một công ty Mỹ cỡ nhỏ chưa có chương trình về môi trường và hệ thống quản lý chất lượng. Ở các nước đang phát triển, các chi phí có thể là không cao như những chi phí đưa ra trong thí dụ trên vì các chi phí cho tư vấn là thấp hơn.

### ***Các chi phí đăng ký***

Kinh nghiệm với ISO 9000 cho thấy là gần 20% chi phí tuân thủ theo tiêu chuẩn sẽ là chi phí cho việc đăng ký với bên thứ ba<sup>28</sup>. Trong trường hợp việc đăng ký kết hợp cả ISO 9000 và ISO 14000 thì lệ phí có thể là cao hơn so với đăng ký chỉ một mình ISO 9000. Lý do là các lệ phí mà nơi đăng ký phải chi cho các kiểm toán viên có trình độ chuyên môn cao<sup>29</sup>. Các công ty thực hiện đồng thời cả hai hệ thống tiêu chuẩn ISO có thể tránh được các chi phí đăng ký nhiều lần.

Một thí dụ về các chi phí đăng ký ISO 9000 cho một công ty nhỏ dựa trên các lệ phí mới đây của NSF - một cơ quan đăng ký của Mỹ, được đưa ra trong Phụ lục 3. Theo thí dụ này, công ty nhỏ này mời nơi đăng ký đưa hai kiểm toán viên làm việc trong 5 ngày và chi gần 20.000 đôla cho việc kiểm toán đăng ký<sup>30</sup>. Khi công ty đã được đăng

ký, công ty phải tiến hành các kiểm toán giám sát định kỳ để có thể duy trì giấy chứng nhận. Đối với ISO 9000 kiểm toán giám sát có thể được tiến hành 6 tháng một lần. Trong trường hợp đó, công ty phải chi gần 10.000 đôla cho 6 tháng một.

(xem Phụ lục 3).

Phần lớn các chuyên gia cho rằng các xí nghiệp công nghiệp quy mô vừa và nhỏ gặp những khó khăn về nguồn tài chính, nhân lực để thực hiện ISO 14001. Tuy nhiên một số người tham gia vào tiến trình xây dựng tiêu chuẩn cho rằng ISO 14001 vì rất chung nên có thể áp dụng linh hoạt cho mọi công ty thực hiện hệ thống quản lý môi trường.

### ***Những lợi ích dự kiến***

Việc đăng ký có thể có giá trị thương mại cho một công ty. Các đối tác thương mại có thể nhận thấy một cách dễ dàng ý nghĩa của việc phê duyệt bởi một bên thứ ba độc lập. Ngay lúc đầu, các công ty khi đã được đăng ký sẽ đóng vai trò đi đầu và do đó sẽ thu được lợi thế trong cạnh tranh. Chúng chỉ sẽ là một biện pháp tăng cường vị trí thương trường của họ. Sau đó khi các công ty cạnh tranh khác cũng được cấp chứng chỉ thì thế lợi này sẽ mất đi.

Việc sử dụng ISO 14001 sẽ là một chứng chỉ cho các công ty và không phải là cho các sản phẩm.

Tác động đến thái độ của người tiêu dùng và các cơ hội thương mại của các sản phẩm của công ty do đó là ít hơn so với trường hợp cấp nhãn hiệu sinh thái - là chứng chỉ trực tiếp của sản phẩm.

Tuy nhiên, có thể có một lợi ích trong quan hệ với khách hàng bằng sự truyền thông chính sách môi trường của công ty với bên ngoài. Việc đăng ký sẽ nhấn mạnh việc cam kết bảo vệ môi trường của công ty. Một điều kiện tiên quyết cho lợi ích này đó là thị trường tiêu dùng nhạy cảm về sinh thái.

Phần lớn các chuyên gia cho rằng việc thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 sẽ cải thiện hiệu quả nội bộ của công ty nhờ giảm được đầu vào về năng lượng và nguyên liệu. Tuy nhiên, các chuyên gia không nhất trí là liệu việc tiết kiệm đó về năng lượng và nguyên liệu có bù được vào các chi phí hay không, hay là ngược lại. Một số chuyên gia cho rằng các chi phí vượt xa lợi ích đem lại.

Doanh nghiệp tại các nước công nghiệp hoá đang chịu sức ép nặng nề từ phía các tổ chức khác nhau các tổ chức chính phủ, quảng đại công chúng, các tổ chức môi trường và người tiêu dùng - là phải tránh các tác động môi trường. Hy vọng rằng việc cấp chứng chỉ ISO 14001 sẽ giảm được sức ép này. Một số đại diện công nghiệp tham gia vào tiến trình xây dựng tiêu chuẩn, đặc biệt là phái đoàn Mỹ, thậm chí hy vọng rằng tiêu chuẩn có thể tạo chỗ đứng cho việc quản lý môi trường không chỉ theo những quy định luật pháp. Họ cho rằng việc đăng ký đảm bảo sự cam kết của công ty thực hiện các quy định môi trường.

Trong khi ISO 14001 đòi hỏi các công ty phải thể hiện là họ có các biện pháp tiến hành và duy trì sự tuân thủ thực hiện của mình, họ lại không bị yêu cầu phải chứng minh là thực tế họ đang tuân thủ theo luật pháp. Không chắc là thực hiện hệ thống quản lý môi trường là cải thiện được hoạt động môi trường của công ty. Đến khi việc tư liệu hoá đã được hoàn thành tốt đẹp thì có lẽ không tác động đến việc cấp chứng chỉ. Tuy nhiên, những người tham gia hỏi ý kiến cho rằng phần lớn các công ty thực hiện hệ thống quản lý môi trường và được cấp chứng chỉ, nói chung cho thấy hoạt động môi trường đã được cải thiện<sup>31</sup>. Vì vậy một lợi ích mà tiêu chuẩn quốc tế mang lại có thể là sự quan tâm đến môi trường.

Đối với thương mại quốc tế, tiêu chuẩn đảm bảo cơ sở cho những triển vọng môi trường chung giữa các công ty. Nó có thể dẫn đến việc hoà nhập các nguyên tắc quốc gia và cho phép ngành công nghiệp và các cơ quan kiểm toán trên toàn thế giới có một ngôn ngữ và phạm vi chung trong việc đánh giá các hệ thống quản lý môi trường. Riêng tập hợp các tiêu chuẩn môi trường có thể giúp tránh được việc đăng ký, thanh tra, cấp chứng chỉ nhiều lần và những yêu cầu mâu thuẫn của các tiêu chuẩn quốc gia khác nhau và do đó giảm được các chi phí tuân thủ theo các tiêu chuẩn. Các công ty đa quốc gia cũng sẽ được cung cấp một hệ thống tiêu chuẩn riêng để thực hiện ở nơi nào họ có mặt. Tuy nhiên, trong bất kỳ trường hợp nào phải được chứng tỏ rằng liệu rằng chỉ với một định nghĩa mang tính quốc tế này, được xây dựng nên bởi các nhà lãnh đạo công nghiệp và tiêu chuẩn hoá hiện hành, có thể loại trừ các mối quan tâm môi trường chính thông và/hoặc tạo nên các hàng rào ngăn cản tới các hãng nổi bật, đặc biệt là từ các nước đang phát triển.

### ***Tác động đến phát triển thương mại đất nước***

Áp lực lớn hơn đối với các công ty tại các nước đang phát triển là thực hiện các yêu cầu môi trường nảy sinh từ khách hàng nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế chứ không phải là từ các tổ chức trong nước<sup>32</sup>. Vì vậy chứng chỉ ISO 14001 chắc chắn trở thành biện pháp đáp ứng nhu cầu khách hàng nước ngoài và tham gia vào thương mại quốc tế chứ không phải chỉ là một yếu tố của lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước. Đối với những nhà xuất khẩu, chứng chỉ có thể là một công cụ để đạt được thế lợi cạnh tranh so với các nhà xuất khẩu trong nước khác.

Một điều không chắc chắn là liệu các tiêu chuẩn ISO 14001 và các tiêu chuẩn liên quan có tạo nên những hàng rào thương mại hay không. Một số chuyên gia cho rằng khi mà các tiêu chuẩn là

tự nguyện và không lập ra các tiêu chí hoạt động, các tiêu chuẩn cho phép một sự linh hoạt nào đó và vì vậy nó có thể không tạo ra các hàng rào thương mại. Ngược lại, có tranh luận rằng khi chúng chỉ được phổ biến rộng rãi tới các công ty tại các nước công nghiệp hoá, thì nó có thể tạo ra những cản trở thương mại nào đó cho các công ty tại các nước đang phát triển là những nước cần có thời gian để hiệu chỉnh cho phù hợp.

Mặc dù Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế tuyên bố rằng tiêu chuẩn không được sử dụng để tạo ra các hàng rào thương mại, tiềm năng để làm việc đó vẫn tồn tại bản dự thảo cũng như trong các văn bản liên quan. Có một số vấn đề có tiềm năng tạo ra các hàng rào thương mại, và các vấn đề đó sẽ được phân tích ở dưới đây.

### ***Hoạt động của bên cung ứng***

Các điều khoản trong các văn bản của hệ thống quản lý môi trường tác động tới thương mại là những điều khoản đòi hỏi phải xét đến hoạt động của bên cung ứng. Là một yếu tố cốt lõi của hệ thống quản lý môi trường, TC207 bỏ qua yêu cầu đánh giá sự tham gia của bên cung ứng vào các tiêu chuẩn quản lý môi trường. Tuy nhiên cũng có một số các điều khoản nào đó đòi hỏi việc xem xét hoạt động của bên cung ứng tới một mức độ nào đó. Thí dụ, tài liệu hướng dẫn hệ thống quản lý môi trường yêu cầu là "các hồ sơ môi trường là chứng cứ bằng văn bản về các hoạt động đang được tiến hành của hệ thống quản lý môi trường cần phải gồm những thông tin thích hợp về bên cung ứng và bên hợp đồng"<sup>33</sup>. Một nguyên tắc then chốt cho những nhà quản lý thực hiện hệ thống quản lý môi trường là phải "khuyến khích cơ quan cung ứng và cơ quan hợp đồng xây dựng được một hệ thống quản lý môi trường"<sup>34</sup>.

Các chuyên gia cũng đã nhất trí rằng các công ty lớn tại các nước công nghiệp hoá sẽ gây sức ép tới các bên cung ứng, kể cả các bên cung ứng tại các nước đang phát triển, cụ thể là họ phải được bên thứ ba chứng nhận, như một phương thức để cải thiện hoạt động môi trường riêng và thể hiện trách nhiệm môi trường của mình. Sức ép này có thể tiếp tục cho tới khi việc sử dụng chứng chỉ như một chỉ tiêu để tạo ra tình trạng thương mại ưu đãi, quy định giá cả của bên cung ứng hoặc thậm chí bãi bỏ bên cung ứng không có chứng chỉ, ủng hộ các công ty cạnh tranh được cấp chứng chỉ<sup>35</sup>.

Các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển có thể coi các tiêu chuẩn như là hàng rào thương mại nếu họ không thực hiện yêu cầu để có chứng chỉ.

Có một số các cản trở như thế, và được kê ra dưới đây.

### ***Thiếu nguồn lực***

Các chuyên gia mô tả việc tiếp cận tới những thông tin về các tiêu chuẩn đối với các công ty tại hầu hết các nước đang phát triển là khó khăn. Kết quả là thiếu nhận thức và dẫn đến việc thực hiện chậm trễ các hệ thống quản lý môi trường - hoặc là hoàn toàn không có. Phần lớn các nước đang phát triển không đủ nguồn tài chính thích hợp để cử các đoàn đại biểu tham dự các cuộc họp thường kỳ của TC207. Vì vậy càng khó khăn hơn đối với họ trong việc liên kết những quan tâm của mình và tác động tới tiến trình xây dựng tiêu chuẩn. Ngay cả khi có nước đã cử đoàn đại biểu của mình tham dự các cuộc họp, song cũng không đảm bảo được là thông tin có thể được phổ biến tới các nhà lãnh đạo doanh nghiệp tại nước họ. Lý do về việc này là có thể thiếu sự hợp tác và sự trao đổi thông tin giữa các cơ quan tiêu chuẩn của nhà nước và các công ty thuộc khu vực tư nhân tại các nước đang phát triển. Các công ty thuộc khu vực tư nhân có thể không quan tâm tới việc thu nhận những thông tin về các tiêu chuẩn môi trường vì có thể họ xem chúng như một biện pháp của chính phủ nhằm gây sức ép đối với các doanh nghiệp<sup>36</sup>.

So với các nước công nghiệp hoá, nhiều chuyên gia cho rằng cần phải có các nguồn nhân lực bổ sung hoặc được đào tạo tốt hơn cho các công ty tại các nước đang phát triển để thực hiện các yêu cầu của tiêu chuẩn. Những thay đổi trong cơ cấu và hoạt động của một tổ chức theo yêu cầu của các điều khoản của CD 14001 liên quan đến kinh nghiệm và trình độ chuyên môn mà ở các nước đang phát triển thì có thể là chưa có được.

Các chuyên gia cho rằng mặc dù hoàn cảnh là khác nhau ở các nước đang phát triển, một điều chắc chắn là việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn có thể cần có sự thay đổi về thiết bị công nghệ. Các thiết bị như vậy có thể là chưa có ở các nước này.

Thiếu nguồn lực như nguồn lực thông tin, vốn, công nghệ, nguồn nhân lực có trình độ, cơ sở đào tạo các cố vấn có trình độ và các kiểm toán viên có thể là hàng rào cản trở việc thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 đối với các công ty tại các nước đang phát triển<sup>37</sup>.

### ***Thiếu cơ sở hạ tầng***

Các chuyên gia cho rằng, tùy thuộc vào hoàn cảnh hiện có, các nước đang phát triển nhìn chung là sẽ tụt hậu so với các nước công nghiệp hoá trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng cấp chứng chỉ ISO 14001. Kinh nghiệm với ISO 9000 cho thấy nhiều nước đang phát triển không có các cơ quan uỷ quyền quốc gia hoặc các cơ quan cấp chứng chỉ để đánh giá việc tuân thủ theo các đòi hỏi của các tiêu chuẩn. Lý do chủ yếu là thiếu kinh phí và thiếu trình độ chuyên môn<sup>38</sup>. Do đó việc đánh giá sự tuân thủ hoặc là do các cơ quan cấp chứng chỉ đặt tại các nước công nghiệp hoá hoặc do các cơ quan quốc tế thực hiện. Như đối với ISO 9000, ngay cả khi có cơ sở hạ tầng cấp chứng chỉ tại các nước đang phát triển, các chứng chỉ được cấp bởi một cơ quan địa phương có thể không được các tổ chức hoặc các chính phủ chấp nhận trong thị trường có mục tiêu.

Thiếu độ tin cậy và cơ sở hạ tầng cấp chứng chỉ là những hàng rào cản trở tiềm tàng đối với các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển để có được chứng chỉ ISO 14001 tin cậy, cần cho việc tham gia vào thương mại quốc tế.

Một khía cạnh khác có thể tạo ra những vấn đề khó khăn đó là thiếu luật pháp môi trường quốc gia ở một số nước đang phát triển. CD 14001 dựa vào quan điểm là việc quản lý một công ty là tự cam kết tuân thủ thực hiện luật pháp và các quy chế môi trường. Nếu luật pháp môi trường không được thực hiện, thì làm sao một công ty có thể xây dựng được một chính sách và định ra được các mục tiêu và các mục đích?

### ***Các chi phí cho sự tuân thủ các tiêu chuẩn***

Sự không sẵn có các nguồn lực tại chỗ và cơ sở hạ tầng đánh giá sự tuân thủ tại hầu hết các nước đang phát triển làm tăng các chi phí cho việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn đối với các nhà xuất khẩu các nước này. Họ có thể bị buộc phải đăng ký bởi những nơi đăng ký nước ngoài và thuê các nhà tư vấn nước ngoài có trình độ chuyên môn cần thiết để tiến hành đào tạo, xây dựng và kiểm toán hệ thống quản lý môi trường<sup>39</sup>. Tất cả những việc này sẽ làm tăng các chi phí<sup>40</sup>. Công ty có thể phải chi trả bằng ngoại tệ mà có thể là không dễ có tại nước sở tại. Do vậy, các nhà xuất khẩu đối đầu với sự bất lợi trong cạnh tranh so với các công ty tại các nước công nghiệp hoá là nơi có sẵn các nguồn lực cần thiết.

Nếu một công ty cần phải mua thiết bị công nghệ mới, điều đó sẽ làm tăng chi phí thậm chí là nhiều hơn khi các công nghệ đó là phải mua của nước ngoài.

Chi phí cao liên quan tới việc thực hiện ISO 14001 sẽ là một hàng rào cản trở đối với các công ty tại các nước đang phát triển, đặc biệt là đối với các xí nghiệp công nghiệp quy mô vừa và nhỏ khi họ thực hiện một hệ thống quản lý môi trường.

### ***Những lợi ích tiềm tàng***

Sự hoà hợp mong muốn của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường quốc gia liên kết với việc thiết lập các tiêu chuẩn ISO 14001 và các tiêu chuẩn liên quan sẽ mang lại những lợi ích nhất định cho các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển. Việc nhận được các thông tin về các loại tiêu chuẩn quốc tế là dễ dàng hơn so với một số các tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường đơn phương có hiệu lực tại các nước thương mại khác nhau. Việc chỉnh lý cho thích hợp với một hệ thống chịu ít chi phí hơn là tuân theo các hệ thống khác nhau. Các hệ thống khác nhau có thể kết hợp các đòi hỏi mâu thuẫn nhau và vì thế có thể là không tương hợp. Điều nguy cơ của việc không hòa hợp các tiêu chuẩn quốc gia là ở chỗ các công ty của các nước đang phát triển phải được các cơ quan cấp chứng chỉ ở từng nước nhập khẩu đánh giá về khả năng thực hiện tiêu chuẩn.

Có thể tránh được điều này nếu xây dựng được một tiêu chuẩn quốc tế thống nhất.

Ngược lại với hệ thống tiêu chuẩn Châu Âu (ENAS) và của Anh (BS 7750), CD 14001 ít khắt khe hơn và không đưa ra chỉ tiêu hoạt động. Việc cấp chứng chỉ có thể vì vậy mà dễ dàng hơn cho các công ty tại các nước đang phát triển. Tuy nhiên tác động tới hoạt động môi trường vẫn phải được xem xét. Các công ty của các nước đang phát triển cùng có lợi ích ngang nhau từ việc giảm chi phí nhờ kết hợp việc đăng ký ISO 9000 và ISO 14000.

Các tiêu chuẩn cung cấp nguồn thông tin có ích về việc làm thế nào để xây dựng một hệ thống quản lý môi trường. Các tiêu chuẩn thường là không thuộc sở hữu riêng và để có được chứng chỉ phải trả chi phí tài liệu.

## **2.2. Cấp nhãn hiệu Môi trường**

Việc cấp nhãn hiệu môi trường (EL) cho các nước đang phát triển là phù hợp và nó liên quan trực tiếp tới việc xuất khẩu hàng hoá. Thị trường trong nước về các sản phẩm được cấp nhãn hiệu sinh thái thực ra là nhỏ bé.

Các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường hiện có bị phê phán về việc nó tạo ra các hàng rào thương mại phi thuế quan, đặc biệt đối với các nhà sản xuất tại các nước đang phát triển<sup>41</sup>. Thí dụ Chương trình Liên hiệp Châu Âu yêu cầu các công ty phải xem xét tất cả các luật pháp Liên hiệp Châu Âu có thể áp dụng được (nó được mở rộng tới quy trình sản xuất) đủ tư cách là nhãn hiệu sinh thái của Liên hiệp Châu Âu. Đồng thời, các chương trình này cần thiết phải xây dựng được các tiêu chuẩn cao để duy trì được độ tin cậy.

Các tiêu chuẩn cấp nhãn hiệu ISO 14000 có mục tiêu là tránh các hàng rào thương mại tiềm tàng khi thực hiện cấp nhãn hiệu môi trường. Các tiêu chuẩn không định ra một kế hoạch cấp nhãn hiệu thống nhất mang tính quốc tế mà chỉ cung cấp các hướng dẫn để tránh các hoạt động phân biệt trong các chương trình cấp nhãn hiệu quốc gia và khu vực. Những hướng dẫn này có thể được các nước sử dụng hoặc là để thiết kế các kế hoạch tương lai hoặc là để sửa đổi các kế hoạch đã có của mình.

Để phân tích tác động tiềm tàng của các tiêu chuẩn cấp nhãn hiệu ISO 14000 đến phát triển thương mại đất nước, các khía cạnh của các kế hoạch cấp nhãn hiệu hiện có có thể tạo ra các hạn chế thương mại sẽ được mô tả đến trước tiên. Sau đó sẽ xem đến việc là các tiêu chuẩn ISO có

thể có khả năng như thế nào để tránh tạo ra các hàng rào cản trở thương mại. Những yếu tố sau đây có thể được coi là quan trọng.

### ***Tính rõ ràng và khả năng tiếp cận thông tin***

Việc cùng tồn tại của các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường khu vực và quốc gia kéo theo một loạt các yêu cầu khác nhau. Các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển có thể gặp khó khăn trong việc nhận thông tin chính xác và kịp thời về những yêu cầu này và điều chỉnh lại các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường. Các quyết định đầu tư có thể bị cản trở bởi sự thay đổi nội dung của các yêu cầu đó và thời hạn hiệu lực của chúng. Thiếu thông tin và tính rõ ràng sẽ tạo điều kiện cho các nhà sản xuất nước ngoài tham gia vào việc xây dựng các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường để biểu thị những quan tâm của mình.

Mặc dù việc tiếp cận tới thông tin về các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó một số các yếu tố có thể chịu ảnh hưởng của các tiêu chuẩn quốc tế. Trước hết, các tiêu chuẩn ISO truyền đạt các nguyên tắc chung về các yêu cầu và các thủ tục phải sử dụng trong các chương trình cấp nhãn hiệu môi trường và do đó định hướng cho các nhà sản xuất thực hiện những kế hoạch này. Hơn nữa, các tiêu chuẩn yêu cầu tính rõ ràng của những chương trình, các quy trình và các phương pháp cấp nhãn hiệu môi trường được sử dụng. Tính rõ ràng hơn sẽ cải thiện khả năng nhận được thông tin của các nhà sản xuất nước ngoài. Điều đó tạo cho họ khả năng tham gia vào việc xây dựng các chỉ tiêu và đặt ra các thủ tục.

### ***Tiếp cận tới các chương trình cấp nhãn hiệu môi trường***

Các chi phí lớn hoặc lệ phí cao khi tham gia vào các chương trình cấp nhãn hiệu môi trường có thể là một hàng rào cản trở đối với các công ty ở các nước đang phát triển, đặc biệt là đối với các công ty nhỏ khi muốn xin cấp một nhãn hiệu. Mức độ phức tạp của một chương trình cũng có thể cản trở cho việc tiếp cận.

Các tiêu chuẩn ISO yêu cầu sự tiếp cận bình đẳng tới chương trình cấp nhãn hiệu môi trường đối với tất cả các bên quan tâm. Trong đó có việc loại bỏ các cản trở hành chính làm hạn chế việc tiếp cận một chương trình, các chi phí hoặc các lệ phí quá mức để thâm nhập chương trình đó, cũng như giảm mức độ phức tạp tổng thể của chương trình.

Các nhà sản xuất nước ngoài có thể không tiếp cận tới chương trình cấp nhãn hiệu môi trường vì sản phẩm của họ không phù hợp với các loại sản phẩm được chọn để cấp nhãn hiệu. Kinh nghiệm với các chương trình cấp nhãn hiệu hiện có cho thấy những đề xuất về các loại sản phẩm mới là đều do các nhà sản xuất trong nước thực hiện<sup>42</sup>.

Điều khó khăn cho các nhà sản xuất nước ngoài tác động đến tiến trình này là do một số các lý do: thiếu tiếp cận đối với quá trình lựa chọn, thiếu thông tin hoặc kinh phí eo hẹp và thiếu nghiên cứu về các loại sản phẩm phù hợp để cấp nhãn hiệu<sup>43</sup>. Do đó, các sản phẩm được xuất khẩu từ các nước đang phát triển thường là bị loại ra.

Các tiêu chuẩn ISO kêu gọi chấp thuận các sản phẩm được xem là các sản phẩm thân thiện về môi trường tại nước sản xuất trong quá trình xác định các loại sản phẩm hợp pháp đối với nhãn hiệu sinh thái ở trong chương trình cấp nhãn hiệu môi trường của quốc gia.

### ***Lựa chọn các chỉ tiêu tuân thủ***

Việc xác định các chỉ tiêu để cấp nhãn hiệu trong các chương trình đơn phương có thể dễ bị các nhà sản xuất trong nước tác động đến hơn. Những ngưỡng liên quan đến các chỉ tiêu này thường



là dựa vào các mô hình sản xuất trong nước và tập trung vào các điều kiện và các ưu tiên địa phương.

Các chỉ tiêu có thể vì thế mà được các hãng trong nước thực hiện một cách dễ dàng hơn.

Các nhà xuất khẩu của các nước đang phát triển có thể gặp rắc rối khi thực hiện các chỉ tiêu này vì chúng yêu cầu sử dụng các đầu vào, thí dụ như các hoá chất hoặc các vật liệu tái chế được, mà những đầu vào đó lại không có ở nước đang phát triển. Yêu cầu đối với việc tái chế có thể buộc các nhà sản xuất nước ngoài sử dụng các nguyên liệu tái chế được ở tại nước nhập khẩu, mặc dù chúng không thân thiện về mặt môi trường so với các nguyên liệu thường được sử dụng tại nước sản xuất<sup>44</sup>.

Các kế hoạch cấp nhãn hiệu sinh thái hiện tại thường dựa vào các tiêu chuẩn liên quan tới quá trình sản xuất. Những tiêu chuẩn này đòi hỏi có sự tuân thủ các tiêu chuẩn trong tất cả các giai đoạn sản xuất, thậm chí cả các giai đoạn nằm ngoài sự kiểm soát của công ty sản xuất sản phẩm cuối cùng. Việc đánh giá sự tuân thủ trở nên phức tạp và tốn kém hơn. Các chỉ tiêu liên quan tới quá trình sản xuất có thể đòi hỏi phải sử dụng các công nghệ riêng biệt khó với tới và rất đắt đỏ.

Việc sử dụng các chỉ tiêu này yêu cầu phải có sự phân tích chu trình sống của sản phẩm và việc này cần có nghiên cứu tích cực và do đó kéo theo chi phí rất lớn. Nếu các chỉ tiêu được xây dựng nên tuân theo các điều kiện nước xây dựng kế hoạch, thì những thành tựu môi trường do các nước đang phát triển thu được, thí dụ như các đầu vào thân thiện về mặt môi trường và/hoặc sản xuất và các phương pháp của quá trình sản xuất<sup>45</sup>, sẽ bị bỏ qua.

Các tiêu chuẩn ISO có thể làm giảm được các cản trở đó bằng cách thúc đẩy khái niệm "tương đương". Điều này có nghĩa là các điều kiện môi trường của nước sản xuất phải được lưu ý tới. Sản xuất và các phương pháp của quá trình sản xuất liên quan khi được chấp nhận về mặt môi trường tại nước sản xuất phải được chấp thuận như là chỉ tiêu tương đương đối với các chỉ tiêu do nước cấp nhãn hiệu dựng nên.

Hơn nữa, những yêu cầu đối với việc tuân thủ các quy định liên quan tới quá trình sản xuất tại nơi sản xuất cần phải linh hoạt và ở nơi có thể, phải lưu ý tới các yêu cầu môi trường quốc gia của nước sản xuất. Những yêu cầu thực hiện luật pháp quốc gia riêng biệt chứ không phải thực hiện những mục tiêu hoạt động phải được bãi bỏ.

Nhiều chỉ tiêu hoặc các ngưỡng đã được chọn trong các kế hoạch hiệu quả có thể cấp nhãn hiệu không phải dựa vào kiến thức khoa học mà là vào đánh giá giá trị và do đó không khách quan. Các tiêu chuẩn ISO dự kiến đề nghị rằng các chỉ tiêu phải khách quan, tổng hợp, rõ ràng và phù hợp.

Việc lựa chọn các chỉ tiêu phải dựa vào các phương pháp khoa học, có khả năng mô phỏng và chúng được xem xét lại định kỳ để bổ sung các phát triển mới.

### ***Đánh giá sự phù hợp***

Trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các nhà sản xuất ở các nước đang phát triển đang đầu tư với một số vấn đề như việc cấp nhãn hiệu môi trường và hệ thống quản lý môi trường. Thiếu các phương tiện đánh giá (thí dụ phòng thí nghiệm để kiểm định sản phẩm, thiếu độ tin cậy) là những lý do tại sao phần lớn các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường của nước ngoài đòi hỏi phải có các cuộc thanh tra các phương tiện của nhà xuất khẩu do các cơ quan thẩm quyền được họ chỉ định thực hiện hoặc phải có chứng chỉ do cơ quan cấp chứng chỉ được quốc tế chấp nhận cấp<sup>46</sup>.

Đối với một nhà xuất khẩu xin cấp nhãn hiệu môi trường tại nước nhập khẩu, chứng chỉ ISO 14001 hay ISO 9000 có thể có ưu thế là không cần các bên điều tra nơi sản xuất liên quan tới kiểm soát chất lượng môi trường nữa. Những chứng chỉ này có thể được dùng như là một phương tiện để đảm bảo rằng chất lượng sản phẩm là được chấp thuận<sup>47</sup>.

Các tiêu chuẩn cấp nhãn hiệu sinh thái ISO tạo cơ sở cho việc công nhận song phương. Công nhận song phương có nghĩa là các nước công nghiệp hoá cấp cho sản phẩm nhãn hiệu sinh thái trên cơ sở là nó có đủ tiêu chuẩn để cấp nhãn hiệu môi trường tại nước xuất khẩu. Cơ sở cho việc công nhận song phương là khái niệm "tương đương" do ISO đề xuất.

Hơn nữa, việc thiết kế các chương trình cấp nhãn hiệu môi trường quốc gia của các nước đang phát triển tuân theo các hướng dẫn của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế có thể làm cho các chương trình này đáng tin cậy hơn dưới con mắt của các cơ quan cấp chứng chỉ nước ngoài.

Thêm vào đó các tiêu chuẩn đòi hỏi phải có các phương pháp kiểm định và chúng phải tuân theo các hướng dẫn đã được công nhận. Việc kiểm định quốc gia hay kiểm định công nghiệp thường tạo ra các hàng rào thương mại, thí dụ như việc công nhận khắt khe các phương tiện kiểm định tạo ra một gánh nặng về địa lý không cần thiết, cần phải được bãi bỏ.

### ***Chi phí cho việc tuân thủ các tiêu chuẩn***

Nói chung, chi phí cho việc tuân thủ sẽ tăng lên nếu nhà sản xuất nước ngoài phải thực hiện những yêu cầu của các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường khác nhau vẫn còn cạnh tranh ở trên tất cả các thương trường xuất khẩu của mình. Các chi phí tuân thủ có thể bị ảnh hưởng bởi các chỉ tiêu đòi hỏi phải sử dụng các đầu vào đắt đỏ hoặc thậm chí là phải mua ở nước ngoài. Việc thiết kế và sản xuất ra một sản phẩm phù hợp với các chỉ tiêu cấp nhãn hiệu môi trường có thể đặc biệt tốn kém đối với các nhà sản xuất nhỏ. Hơn nữa, quá trình liên quan tới các chỉ tiêu có xu hướng dựa vào các điều kiện môi trường và công nghệ tại nước nhập khẩu, có thể bao hàm các chi phí cao đối với các nhà sản xuất nước ngoài. Các chi phí cho việc kiểm định và thẩm tra về việc tuân thủ các chỉ tiêu cần thiết đối với một nhãn hiệu có thể là rất cao, đặc biệt nếu phải sử dụng đến các khả năng của nước ngoài. Chi phí cho việc tuân thủ có thể gồm có cả các chi phí đào tạo và cơ cấu lại quy trình sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu cấp nhãn hiệu môi trường.

Các nhà sản xuất tại các nước đang phát triển, đặc biệt là các nhà sản xuất nhỏ có thể coi các chi phí tuân thủ các chỉ tiêu là các chi phí quá cao.

### **2.3 Những hạn chế của các tiêu chuẩn ISO 14000**

Mặc dù các tiêu chuẩn của hệ thống môi trường và cấp nhãn hiệu môi trường ISO có thể hoà hợp các tiêu chuẩn đơn phương khác nhau, song chúng không giải quyết được tất cả các vấn đề mà các nước đang phát triển đang gặp phải. Các chi phí cho việc tuân thủ có lẽ sẽ được giảm xuống tới một mức độ nào đó song nó vẫn còn là một trở ngại đáng kể cho phần lớn các công ty tại các nước đang phát triển. Vấn đề thiếu hoặc chưa có các cơ sở cấp chứng chỉ, công nghệ thích hợp cũng như kiến thức cần thiết và trình độ chuyên môn phù hợp không thể giải quyết được bằng cách đưa ra các tiêu chuẩn quốc tế.

Hiện nay, kiến thức khoa học về việc làm thế nào để cân bằng được các tác động môi trường khác nhau hoặc đánh giá được tác động môi trường của sản phẩm là chưa thể có được. Do vậy, việc quyết định là một sản phẩm này thân thiện hơn về mặt môi trường so với sản phẩm kia trong cùng một loại sẽ được dựa vào ở một mức độ nào đó các đánh giá giá trị. Thiểu kiến thức khoa học không thể giải quyết được bằng các tiêu chuẩn, mặc dù một cơ chế quốc tế như quy trình xây

dựng tiêu chuẩn của Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế có thể đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực này trong tương lai.

CD 14001 đã được soạn thảo ra theo cách thức là nhường quyền gì ảnh hưởng cho người sử dụng (như các nhà tư vấn và đăng ký) là những người có ảnh hưởng lớn tới thương mại quốc tế. Một vấn đề còn lại cần giải quyết đó là làm thế nào ISO có thể đảm bảo rằng các nhà đăng ký trở nên khách quan và độc lập với các nhà đề ra các quy định, các cơ quan thẩm quyền địa phương, và những người xin đăng ký. ISO 9000 đã bị phê phán là nó bị thương mại hoá quá mức và để ngỏ để cho các nhà tư vấn lạm dụng. Nếu điều tương tự xảy ra với ISO 14000, thì sự việc thậm chí là nghiêm trọng hơn vì các vấn đề môi trường tác động mạnh hơn đến những người chịu tác động so với các vấn đề về chất lượng.

CD 14001 không đưa ra các chỉ tiêu hoạt động môi trường bắt buộc. Nó chỉ yêu cầu các công ty thực hiện tuân theo luật pháp môi trường quốc gia.

Do vậy, mức độ hoạt động môi trường đã được thực hiện sẽ bị ràng buộc với các yêu cầu của quy chế tại bất kỳ nước nào xét đến. Điều rõ ràng là thậm chí đối với việc thực hiện ISO 14001 trong một đất nước mà các luật pháp không đủ mạnh và kém hiệu lực sẽ tốt hơn so với các công ty tại các nước có các quy chế phát triển cao hơn. Các chính phủ của các quốc gia vì vậy có một vai trò quan trọng trong việc tăng cường các luật môi trường của mình. Giả sử các quy chế khác nhau ở mỗi nước, cấp chứng chỉ ISO 14001 không thể sử dụng để đánh giá hoạt động môi trường của công ty. Nó đơn giản chỉ là một biện pháp cam kết của công ty đáp ứng các yêu cầu của nước mà công ty đó hoạt động tại đó. Về việc hợp tác giữa các nước, các tiêu chuẩn ISO 14000 không thể đảm bảo được là các tiêu chuẩn cao nhất được áp dụng cho các hoạt động của họ trên quy mô toàn cầu.

ISO có đạt được mục tiêu của mình là hòa hợp được các tiêu chuẩn các quốc gia khác nhau, làm giảm được các hàng rào thương mại hay không là còn phụ thuộc vào tính sẵn sàng của các nước hiệu chỉnh lại các tiêu chuẩn hiện có theo ISO 14000. Mặc dù phần lớn những người tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn đều được thuyết phục rằng hệ thống quản lý môi trường và các tiêu chuẩn liên quan sẽ được phần lớn các nước đưa áp dụng, duy chỉ có các tiêu chuẩn cấp nhãn hiệu môi trường là chưa có sự chắc chắn để chấp thuận. Hầu hết mọi người tin rằng các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường quốc gia hiện có sẽ được thích ứng dần với các chỉ tiêu của quốc tế, mặc dù một số đoàn đại biểu các nước đã chỉ ra rằng họ ưu tiên hơn cho các kế hoạch quốc gia của mình. Tiến trình hoà hợp vì vậy có thể mất thêm một thời gian dài. Các tiêu chuẩn ISO có thể tạo cơ sở cho việc công nhận song phương. Tuy nhiên không chắc là các nước công nghiệp sẽ chấp thuận các cơ quan cấp chứng chỉ từ các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển cần phải trở nên đáng tin cậy để được công nhận.

### 3. Các biện pháp tránh các hàng rào thương mại đối với các nước đang phát triển

Các dự thảo TC207 có khả năng tránh được một số các tác động xấu tới thương mại của nước đang phát triển do các tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường và các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường gây ra. Tuy nhiên ISO có đạt được mục tiêu của mình về việc thủ tiêu các hàng rào thương mại hay thậm chí tạo nên hàng rào cản trở mới hay không là còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố đằng sau quá trình xây dựng các tiêu chuẩn. Điều cần thiết đối với các tiêu chuẩn quốc gia khác nhau về quản lý môi trường là quy tụ về các tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000 để đạt được sự hoà hợp mong muốn. Thứ hai là việc gì ảnh hưởng và áp dụng các tiêu chuẩn cần phải thực hiện theo cách thức giống nhau. Thứ ba là các nỗ lực khác ngoài việc xây dựng tiêu chuẩn là cần thiết thí dụ như thúc đẩy việc công nhận song phương, trợ giúp kỹ thuật và vốn của các nước công nghiệp hoá và các tổ chức đa phương giúp các nước đang phát triển trong việc tranh thủ các cơ hội thương mại nảy sinh từ các tiêu chuẩn ISO 14000.

### ***Sự chấp thuận các tiêu chuẩn và việc kiểm soát không đi chệch hướng***

Mọi biện pháp thuyết phục các nước hiệu chỉnh các tiêu chuẩn quốc gia hoặc khu vực theo các tiêu chuẩn quốc tế và uốn nắn những chệch hướng khỏi chúng có thể giúp tránh các hàng rào thương mại mới. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), trong "Thoả thuận về những cản trở kỹ thuật đối với thương mại (TBT)" khuyến khích các nước thành viên của mình cần phải sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế thích hợp, nếu có, để làm cơ sở cho các tiêu chuẩn quốc gia của mình. Loạt các tiêu chuẩn ISO tương lai sẽ cung cấp một công cụ cần thiết để áp dụng trong lĩnh vực quản lý môi trường. Nhằm giúp cho tiến trình hoà hợp quốc tế tất cả các nước thành viên Liên hợp quốc phải chấp thuận các tiêu chuẩn ISO 14000 làm cơ sở chung cho công việc quản lý môi trường.

Những hướng dẫn quốc tế cung cấp giải thích về ISO 14001 có thể dẫn tới các thủ tục chấp thuận và cấp chứng chỉ một cách hoà hợp và "khách quan"<sup>48</sup>: Chúng có thể đưa tới thực tế đánh giá sự tuân thủ nhằm tập trung vào việc cải thiện có hiệu quả hoạt động môi trường.

Các nước thành viên của Tổ chức thương mại thế giới cần kiểm soát một cách thận trọng các hoạt động của mình về việc xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn theo tinh thần "Thoả thuận về các cản trở kỹ thuật đối với thương mại". Tài liệu này dự kiến trước các thủ tục chuẩn bị, chấp nhận và áp dụng các tiêu chuẩn ngăn ngừa họ tạo ra các cản trở cho thương mại quốc tế<sup>49</sup>. Quyền hạn của WTO cần phải được định rõ trước khi quyết định là WTO có hành động và hành động bằng cách thức nào nếu như các biện pháp đơn phương trong lĩnh vực thuộc hệ thống quản lý môi trường và cấp nhãn hiệu môi trường không thích ứng và khác biệt. Nếu việc quản lý môi trường được áp dụng như một cản trở kỹ thuật cho thương mại, thì các bên chịu hại cần phải thực hiện các bước để chống lại các bên gây hại. ISO với sự hỗ trợ của các cơ quan thành viên của mình có thể có chức năng như một cơ quan thẩm quyền vô tư có thể cung cấp chuyên gia, dữ liệu và các đóng góp khác cho Tổ chức Thương mại Thế giới trong trường hợp có các mối bất hoà, tranh chấp.

### ***Sự công nhận song phương***

Các thoả thuận công nhận song phương giữa các cơ quan cấp chứng chỉ ở các nước phát triển và đang phát triển đối với cả hệ thống quản lý môi trường và cấp nhãn hiệu môi trường sẽ cho phép các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển thu lợi từ cơ sở hạ tầng cấp chứng chỉ riêng của mình và làm giảm được các chi phí. Một điều kiện tiên quyết cho việc công nhận song phương các kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường đó là việc các chỉ tiêu về các kế hoạch cho các nước phát triển và đang phát triển là như nhau. Tuy nhiên các chỉ tiêu cũng có thể không hoàn toàn là như nhau trong phần lớn các trường hợp. Vì vậy các chuyên gia đề nghị cấp nhãn hiệu của nước nhập khẩu nếu các chỉ tiêu sản phẩm và các điều kiện liên quan đến đồ thải của nước nhập khẩu được thoả mãn.

Vì các chỉ tiêu liên quan tới quá trình sản xuất là phụ thuộc vào hoàn cảnh địa phương ở nước xuất khẩu, nên các chỉ tiêu này cần phải được chấp thuận thậm chí ngay cả khi chúng khác biệt với các chỉ tiêu ở nước nhập khẩu. Một khả năng khác nữa là phải thực hiện các chỉ tiêu của nước nhập khẩu trừ việc công nhận và cho phép việc cấp chứng chỉ được thực hiện bằng cách kiểm định của nước xuất khẩu và các cơ quan thẩm tra có quyền lực nằm trong chương trình cấp nhãn hiệu môi trường trong nước.

Một điều kiện tiên quyết cho việc công nhận song phương đó là cơ sở hạ tầng xây dựng tiêu chuẩn hiện có tại nước đang phát triển và sự tin cậy của nước nhập khẩu về chất lượng của cơ sở hạ tầng đó.

### ***Cơ sở hạ tầng xây dựng tiêu chuẩn***

Đề chúng tôi là họ đáp ứng được các tiêu chuẩn đòi hỏi từ phía các đối tác thương mại của mình, các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển cần các dịch vụ cấp chứng chỉ được quốc tế thừa nhận và các tổ chức kiểm định. Một số các nước đang phát triển tiên bộ hơn đã có các cơ sở này và có khả năng mở rộng quy mô chúng để thực hiện việc đăng ký ISO 14001. Một số nước khác cần đến sự giúp đỡ về vốn và kỹ thuật để xây dựng hệ thống đánh giá sự tuân thủ dựa vào các chỉ tiêu quốc tế. Các nước phải đưa các trung tâm thông tin tiêu chuẩn, những cơ sở đăng ký được công nhận, các cơ sở đào tạo và cấp chứng chỉ sản phẩm vào công việc này<sup>50</sup>. ISO đã ban hành các hướng dẫn và các cảm nang triển khai cung cấp những thông tin chi tiết về những vấn đề này.

Có nhiều khả năng cấp tài chính song phương và đa phương của các yếu tố của các hệ thống tiêu chuẩn hoá tại các nước đang phát triển. Các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, các ngân hàng phát triển khu vực hoặc các chính quyền địa phương cũng có thể có sự trợ giúp về tài chính.

Trợ giúp kỹ thuật cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, kiểm tra và kiểm định lại sản phẩm và các nhà máy bởi các nước phát triển hoặc các tổ chức quốc tế có thể giải quyết được vấn đề là nhiều nước đang phát triển thiếu các bí quyết. Thực tế là việc trợ giúp đó đã được hoàn lại có thể tăng thêm độ tin cậy đối với các nhãn hiệu sinh thái và chứng chỉ về hệ thống quản lý môi trường do các nước đang phát triển cấp.

Các nước thuộc OECD thường đảm bảo trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển với quan điểm là giúp các nước này xây dựng cơ sở hạ tầng và các chương trình cấp nhãn hiệu môi trường.

Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC) và Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) đã khởi xướng các chương trình hợp tác kỹ thuật với các nước đang phát triển trong lĩnh vực cấp nhãn hiệu sinh thái.

Quyết định cho một nước đầu tư vào cơ sở hạ tầng tiêu chuẩn hoá phải là một quyết định hợp lý về mặt kinh tế. Quyết định này phụ thuộc vào các biến số sau đây:

- cơ cấu công nghiệp của một nước và trình độ công nghiệp hoá của nó;
- sự phụ thuộc về kinh tế vào thị trường nước ngoài, đặc biệt là các thị trường đòi hỏi lớn ở các nước công nghiệp hoá; và
- áp lực thực hiện các chỉ tiêu được quốc tế công nhận đối với các thông lệ đánh giá sự tuân thủ.

Những biến số này cần phải ở mức độ cao thì cơ sở hạ tầng của công tác tiêu chuẩn càng phải đầy đủ hơn. Một nước phải quyết định là cần có những gì ở trong nước để đối lại với việc nhận được các dịch vụ đó từ nước ngoài để xây dựng cơ sở hạ tầng trong nước sao cho có hiệu quả nhất. Trước tiên đó là phải quan tâm tới việc kiểm định, cấp chứng chỉ và thẩm tra do các cơ quan cấp chứng chỉ quốc tế thực hiện. Vì giá cả của các cơ quan đó rất cao nên cần có phương pháp tiết kiệm trong xây dựng một hệ thống công tác tiêu chuẩn trong nước với khối lượng xuất khẩu ngày càng tăng.

Cần phải có các quyết định khác liên quan tới việc là các khu vực nhà nước và tư nhân có vai trò như thế nào trong cả việc xây dựng các tiêu chuẩn và cung cấp các dịch vụ (thí dụ như kiểm định và cấp chứng chỉ)<sup>51</sup>. Điều này quan trọng đối với khu vực tư nhân để họ có thể tham gia, thí dụ, vào việc quy hoạch, quản lý và thực hiện các tiêu chuẩn ISO 14000 hoặc về việc đào tạo và cung cấp các cơ sở kiểm định. Hơn nữa, cần phải quyết định là những phần dịch vụ nào do nhà nước cấp cần thiết phải được cấp từ ngân sách nhà nước và những phần nào dự kiến là tự cấp tài chính

(thí dụ, những đóng góp của các thành viên, bán các ấn phẩm, cấp chứng chỉ hoặc kiểm định sản phẩm, vv.).

Mặc dù việc xây dựng hệ thống cấp chứng chỉ ban đầu là có thể chạy theo các nhu cầu xuất khẩu trực tiếp, nó có thể mở rộng tới các nhà sản xuất trong nước, đặc biệt là nếu các quy chế môi trường đang được tăng cường và các nhà xuất khẩu cần phải đảm bảo sự tuân thủ theo luật pháp tại thị trường trong nước.

Cơ cấu hạ tầng công tác tiêu chuẩn hiện có có thể có khả năng giúp đỡ cho việc xây dựng luật pháp môi trường và có thể tạo điều kiện tiếp cận tới những thông tin về các tiêu chuẩn ISO 14000 và các tiêu chuẩn khác. Bằng cách có một trung tâm thông tin tiêu chuẩn, một nước có thể trở thành thành viên của ISONET (Mạng lưới của Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế). Mạng lưới toàn cầu các trung tâm như vậy đã được ISO xây dựng nên nhằm cung cấp nhanh các thông tin về tiêu chuẩn và các hoạt động cấp chứng chỉ được các nước khác nhau sử dụng.

### ***Thông tin và sự tham gia***

Các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển cần phải biết các tiêu chuẩn thích hợp trong các thị trường mà họ sẽ xuất khẩu. Họ cần phải hiểu được quá trình phức tạp của việc xây dựng tiêu chuẩn và việc đánh giá sự tuân thủ. Hầu như phần lớn các tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường và cấp nhãn hiệu môi trường sẽ đưa áp dụng thực tế vào năm 1996, và các công ty tại các nước công nghiệp hoá đang chuẩn bị được nhận chứng chỉ.

Vì vậy, một trong những khuyến nghị chủ yếu là các nước đang phát triển cần thu được những thông tin và được tham gia càng sớm càng tốt để làm quen với các tiêu chuẩn. Việc này có thể tiết kiệm được một số chi phí cho lệ phí tư vấn đắt đỏ, có quan tâm tới các thực tế cơ bản nhất về các tiêu chuẩn và thời hạn thực hiện chúng.

Vì việc xây dựng các tiêu chuẩn về cấp nhãn hiệu sinh thái, đánh giá chu trình sống và hoạt động môi trường đang bị tụt hậu so với các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý và kiểm toán môi trường, nên các thành viên ISO là các nước đang phát triển cần phải tham gia vào công việc của TC 207, với tính cách là thành viên tham gia, phản ánh các lợi ích của mình và tác động đến kết quả. Ngược lại các quá trình xây dựng tiêu chuẩn trong nước và khu vực, ISO về lý thuyết, bỏ ngỏ cho tất cả các nước. Để tạo khả năng cho các nước đang phát triển tranh thủ được quá trình bỏ ngỏ này và cử các đoàn đại biểu của mình thường xuyên tham dự các cuộc họp của ISO, họ sẽ cần đến sự trợ giúp về tài chính.

Các hoạt động trợ giúp kỹ thuật giúp các nước đang phát triển có lưu ý tới sự tham gia của những nước này vào việc xây dựng tiêu chuẩn ISO. ISO cấp kinh phí đi lại và trợ cấp cần thiết cho tham dự một hoặc hai cuộc họp, hy vọng rằng các nước đang phát triển sẽ tham gia vào các hoạt động của ISO. Nhờ có kinh phí do ISO cấp cho phiên họp toàn thể mới đây của TC207 vào tháng 6/1995, các nước đang phát triển đã tham gia mạnh mẽ vào việc đưa ra các quan điểm và nhiều đóng góp cho phiên họp. Mặc dù các nước đang phát triển tham gia vào việc tăng cường TC207, song hiện vẫn chưa đạt được ở mức mong muốn.

Việc cung cấp thông tin có thể được thực hiện trên cơ sở các cơ sở dữ liệu. Mạng lưới cấp Nhãn hiệu sinh thái Toàn cầu (GEN), một tổ chức phi chính phủ của 10 nước thành viên đã có các kế hoạch cấp nhãn hiệu sinh thái<sup>52</sup>, hiện đang xây dựng một cơ sở dữ liệu với những thông tin về tất cả các kế hoạch trên mạng INTERNET. Cơ sở dữ liệu này nằm trong Web Toàn cầu và dự định sẽ được sử dụng làm diễn đàn tranh luận giữa các nước về cấp nhãn hiệu sinh thái và thúc đẩy các kế hoạch của các nước đang phát triển. Hơn nữa GEN hiện đang xây dựng một cơ sở đăng ký gồm có các chuyên gia thuộc lĩnh vực cấp nhãn hiệu môi trường<sup>53</sup>.

### ***Đào tạo và nâng cao nhận thức***

Các biện pháp nâng cao nhận thức thể hiện nhu cầu và các lợi ích tiềm tàng thu được từ những nỗ lực tăng cường trong việc thực hiện ISO 14001 và các tiêu chuẩn liên quan ở một quy mô nào đó có thể tăng cường sự cam kết của ngành công nghiệp ở các nước đang phát triển. Để giảm đi những hàng rào cản trở sự cam kết của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, ở một số nước vai trò của các ban tiêu chuẩn của chính phủ thường có chức năng như là các ban bảo vệ và điều phối cho người tiêu dùng cần phải thay đổi. Sự tham gia của khu vực tư nhân cũng là một việc quan trọng.

Việc nâng cao nhận thức có thể có nghĩa là tăng cường sự tin cậy của các nhãn hiệu sinh thái của các nước đang phát triển và sự chấp thuận chúng của người tiêu dùng trong các nước phát triển.

Tại giai đoạn này, việc đào tạo và xây dựng năng lực liên quan tới hệ thống quản lý môi trường và cấp nhãn hiệu môi trường là một việc quan trọng đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là khi họ có các chiến lược phát triển kinh tế lấy xuất khẩu làm chủ đạo. Mặc dù các tiêu chuẩn ISO 14000 chỉ đang ở vào giai đoạn soạn thảo, việc xây dựng năng lực phải được khởi sự từ bây giờ để giảm thiểu sự chậm trễ về thời gian trong việc hiệu chỉnh các tiêu chuẩn giữa các nước công nghiệp hoá và các nước đang phát triển.

Việc đào tạo và xây dựng năng lực cần phải tập trung vào các cơ quan đào tạo và cấp chứng chỉ, các nhà tư vấn và lãnh đạo doanh nghiệp. Các biện pháp tập trung vào các tiêu chuẩn ISO 9000 có thể được coi là biện pháp hỗ trợ thêm cho ISO 14000. Để kết nối ISO 9000 và ISO 14000, việc đào tạo hiện nay và trong tương lai về các hệ thống quản lý chất lượng cần phải đưa các thông tin về các loạt ISO 14000 sắp tới vào.

Các hội nghị chuyên đề đào tạo khu vực và các học bổng cho việc đào tạo chuyên môn cho các cá nhân là một phần của các chương trình trợ giúp kỹ thuật của ISO cho các nước đang phát triển.

ISO cũng cung cấp cho các nước đang phát triển những thông tin và các hợp đồng đào tạo do các cơ quan thành viên của ISO thực hiện ở các nước OECD. Đối với ISO tương lai, trong hợp tác với các học viện khác, cần phải khởi xướng những nỗ lực xây dựng một hệ thống, mà nhờ nó các nhà đào tạo các cố vấn, kiểm toán trong quản lý môi trường có thể được tất cả các nước đánh giá theo nhu cầu về chuyên môn của họ.

### ***Chuyển giao công nghệ***

Để tránh được một thực tế là việc thiếu các công nghệ sạch có thể trở thành nguyên nhân để các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển không tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý môi trường quốc tế việc chuyển giao công nghệ cần phải được tăng cường và tạo điều kiện thuận lợi. Các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển sẽ cần đến sự trợ giúp về vốn và kỹ thuật để giành được các công nghệ thích hợp cho họ. Các nước đang phát triển cần phải tiếp tục mở rộng tự do cơ cấu kinh tế của mình, thu hút dòng vào của các công nghệ sạch để bổ sung thêm cho sản xuất riêng của mình các công nghệ đó. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ (IPR) tạo cho người sở hữu sự tin cậy là các quyền của họ đối với các công nghệ chuyển giao được bảo vệ, có thể giúp cho dòng vào này. Các nước đang phát triển cần phải xây dựng các cơ chế kiểm soát để đảm bảo rằng các công nghệ chuyển giao là các công nghệ sạch.<sup>54</sup>

### ***Các chiến lược trong khu vực tư nhân***

Các mạng lưới và các hội doanh nghiệp cũng như các phòng thương mại đều đóng một vai trò quan trọng đối với những nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển, đặc biệt là các xí nghiệp quy

mô vừa và nhỏ. Họ là nguồn giúp cho doanh nghiệp xác định các quy chế môi trường thích hợp và các thay đổi hiện đang diễn ra. Những mạng lưới này có thể tạo ra một phương thức nghiên cứu đồng thời các hướng dẫn của ISO 14000. Chúng có thể giúp xác định được những sắp xếp về mặt tổ chức và thủ tục tốt nhất để xây dựng một hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001 và các chương trình kiểm toán môi trường. Có thể sử dụng các ấn phẩm chung để truyền thông giữa các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ để trao đổi thông tin, kinh nghiệm cũng như truyền thông với bên ngoài về những chính sách môi trường của các hãng thành viên đến các bên quan tâm. Những mạng lưới như thế cần phải tìm cách cải thiện sự đối thoại và hợp tác giữa các nhà sản xuất và các nhà cung ứng.

Hơn nữa các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ có thể sử dụng những mạng lưới này để thể hiện những quan tâm của mình trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn và tham gia vào diễn đàn của quốc tế. Thí dụ Mạng lưới quốc tế về Quản lý Môi trường

(INEM) đang nỗ lực thúc đẩy các chiến lược nằm trong TC 207 mà chúng quan tâm tới những lợi ích của các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ trong các nước công nghiệp và đang phát triển.<sup>55</sup> Để quản lý những sức ép về nguồn lực, các mạng lưới doanh nghiệp cần phải xây dựng các chiến lược hợp tác để chia sẻ bí quyết và công nghệ, cùng nhau sử dụng các phương tiện, cùng thu hút những cố vấn và đào tạo nhân viên. Các doanh nghiệp cần phải tìm kiếm sự cộng tác của các trường đại học và các học viện đào tạo để đảm bảo về giảng viên cho việc đào tạo.

Các tổ chức tiêu chuẩn và các phòng thương mại cần phải thúc đẩy và ủng hộ các chiến lược hợp tác trong các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ, đặc biệt là tại các nước đang phát triển.

Khi mà đối với ISO 14001, tác động chính từ phía các nước công nghiệp đến các nước đang phát triển là qua dây chuyền cung ứng, thì các công ty lớn ở các nước công nghiệp hoá cần phải hỗ trợ giúp về bí quyết (know-how) cho những nhà cung ứng của họ ở các nước đang phát triển. Thí dụ họ có thể gửi giúp chuyên gia môi trường hoặc kỹ thuật của mình và chịu mọi khoản chi phí. Việc trao đổi kiến thức khoa học và kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, bao gồm cả các công nghệ mới và cải tiến là những cách giúp đỡ mà bên mua thực hiện nhằm tăng cường hoạt động của bên cung ứng.



## ***Kết luận***

Bằng cách xây dựng loạt ISO 14000, Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế đang cố gắng giải quyết một số cân bằng khó khăn. Mục đích của Tổ chức này là cải thiện môi trường là lĩnh vực đòi hỏi có các tiêu chuẩn nghiêm ngặt, đồng thời cố gắng tạo điều kiện cho thương mại là lĩnh vực đòi hỏi có các tiêu chuẩn chung hơn. Cả hai mục đích này có đạt được hay không là việc còn phải đợi xem. Báo cáo này cho thấy là tự các tiêu chuẩn không đảm bảo về mặt cải thiện môi trường. "Tính nghiêm ngặt" và "tính đạo đức" sẽ là những điều quyết định đối với việc cải thiện như mong muốn đối với môi trường toàn cầu, trong khi các tiêu chuẩn được các công ty, cố vấn, các nhà đăng ký áp dụng cũng như mức độ luật pháp môi trường quốc gia mà công ty cần phải thực hiện. Về triển vọng thương mại, các tiêu chuẩn ISO 14000 sẽ mang lại những lợi ích đồng thời cả những gánh nặng cho các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển. Chúng có thể mang lại lợi ích nếu như các tiêu chuẩn ISO 14000 thành công trong việc hòa hợp được các tiêu chuẩn quản lý môi trường của môi trường khác nhau. Tuy nhiên, việc thực hiện và tôn trọng đối với những tiêu chuẩn này là sẽ rất tốn kém.

Báo cáo này cho rằng sẽ có sức ép đối với các công ty tại các nước đang phát triển nảy sinh từ phía các đối tác thương mại của họ ở các nước công nghiệp hoá để thực hiện hệ thống quản lý môi trường và được cấp chứng chỉ ISO 14001. Chứng chỉ đó sẽ là một công cụ để giành được lợi thế cạnh tranh.

Với tình hình hiện nay, sự thiếu thông tin, vốn, công nghệ, chuyên gia và cơ sở hạ tầng địa phương ở hầu hết các nước đang phát triển là những lý do gây cản trở các công ty được cấp chứng chỉ. Vì thế các nước đang phát triển cần có sự trợ giúp để xây dựng cơ sở hạ tầng của mình, cho phép thực hiện được các tiêu chuẩn ISO 14000. Các nước đang phát triển cần phải tìm kiếm sự hợp tác với các tổ chức quốc tế, các chính phủ các nước và các cơ quan tiêu chuẩn cũng như các hội doanh nghiệp vì trợ giúp về tài chính và kỹ thuật. Các công ty lớn ở các nước phát triển có thể giúp đỡ các nước đang phát triển là những nước có quan hệ thương mại quan trọng của mình để họ nhận được những nguồn lực cần thiết cho việc tuân thủ các tiêu chuẩn ISO 14000.

### Ghi Chú

1. Đến giữa năm 1994, 70 nước đã đưa áp dụng các tiêu chuẩn chính của ISO 9000 như các tiêu chuẩn quốc gia. Các tiêu chuẩn cũng được công nhận ở mức khu vực ở Châu Âu, Châu Mỹ. Đến giữa năm 1994 gần 75000 chứng chỉ đã được ban hành ở 76 nước... Xem: ITC (1994a) trang 3 và Phụ lục I, III về danh sách chi tiết các nước.
2. Các chương trình cấp nhãn hiệu sinh thái khác hiện có ở các nước Bắc Âu, Đức, Canada, Nhật Bản, Mỹ, Thụy Điển, Niu Dilân, Hàn quốc, Ôxtrâyliya, Singapo, Hà Lan, Croatia và Zimbabwe. Ngoài Anh ra, các tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý môi trường đã được Canada, Nam Phi, Pháp, Tây Ban Nha, Ai len xây dựng.
3. Xem: ISO (1995) trang 4.
4. Dựa vào các dự thảo của toàn ban có vào tháng 6/1995.
5. Các thuật ngữ chứng chỉ sử dụng ở Châu Âu, đăng ký sử dụng ở Mỹ. Cả hai đều có cùng một nghĩa và được sử dụng trong báo cáo này như là các từ đồng nghĩa.
6. Tài liệu hướng dẫn đề nghị lấy Tuyên bố RIO về Môi trường và Phát triển hoặc Hiến chương Kinh doanh về Phát triển Bền vững làm cơ sở cho việc xác định chính sách.
7. Một "tổng quan môi trường khởi đầu" được đề xuất để xác định các khía cạnh môi trường, lưu ý tới phát tán, thải vào nguồn nước, quản lý chất thải, nhiễm bẩn đất đai, sử dụng nguyên liệu và tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề môi trường cục bộ khác. Tổng quan này cần phải bao gồm các điều kiện hoạt động bình thường, các điều kiện bắt đầu và đóng cửa, cũng như các tác động tiềm tàng của các tình huống cấp bách lường trước được. Không cần phải đánh giá chu trình sống chi tiết, kể cả đánh giá đối với từng thành phần hoặc đầu vào nguyên liệu.
8. Thí dụ: Mục tiêu - "Giảm phát tán không khí của công ty". Mục đích - "Giảm phát tán CO<sub>2</sub> xuống 2% đến năm 1996"
9. Việc tổ chức cần phải coi việc sử dụng các công nghệ có được tốt nhất ở những nơi có thể tồn tại được về mặt kinh tế, hiệu quả về chi phí, và được hiệu chỉnh thích ứng bởi tổ chức.
10. Chương trình cần phải gồm có một tổng quan môi trường về các hoạt động mới. Đối với các sản phẩm có thể tập trung vào thiết kế, nguyên liệu, các quá trình sản xuất, sử dụng và loại bỏ cuối cùng. Đối với các quá trình có thể tập trung vào quy hoạch, thiết kế, xây dựng, đưa vào hoạt động và bàn giao.
11. Đại diện phải đảm bảo thực hiện và duy trì hệ thống quản lý môi trường và báo cáo việc quản lý về hoạt động của hệ thống quản lý môi trường. ở các công ty nhỏ người đại diện có thể là chủ công ty.
12. Có thể đưa vào các tác động môi trường và các lợi ích của các hoạt động, các hậu quả tiềm tàng từ phía các nhà sản xuất và phản ứng trong những tình huống cấp bách. Hơn nữa tổ chức cần phải yêu cầu các hợp đồng đảm bảo đào tạo thích hợp cho cán bộ nhân viên.
13. Tư liệu hoá cần đưa vào các yếu tố chủ chốt của hệ thống quản lý môi trường và các quan hệ qua lại của chúng, cung cấp hướng dẫn đối với tài liệu liên quan cần rõ ràng, ghi rõ ngày tháng và dễ xác định, bảo quản và lưu trữ trong một thời gian nhất định. Một cẩm

- nang quản lý môi trường là một tài liệu then chốt cho hệ thống quản lý môi trường. Tuy nhiên đã có đề nghị là việc tư liệu hoá này phải được lồng vào các tư liệu về các hệ thống hiện có. Trong trường hợp đó một tài liệu tóm lược có thể được coi là tài liệu tham khảo về hệ thống quản lý môi trường. Quá trình kiểm tra tài liệu phải đảm bảo được là tất cả các tài liệu có thể được định vị, được xem xét lại theo định kỳ, được sửa chữa bổ sung và do những người có thẩm quyền phê duyệt; các loạt tài liệu hiện có cần có tại nơi có các hoạt động thích hợp được thực hiện; các tài liệu cũ không dùng nữa được loại bỏ và được lưu trữ cho tới khi chúng có thể phù hợp cho các mục tiêu bảo tồn kiến thức hoặc mục tiêu pháp lý.
14. Một số các chỉ dẫn do các đoàn đại biểu đề xuất như Nhật Bản, theo danh mục của OECD về các chỉ dẫn "ứng phó với tình trạng gây sức ép". Các đoàn đại biểu từ Viện Wuppertal đã lập ra một nhóm làm việc đặc biệt ở trong Tiểu ban 4 để giao dịch giữa ISO và các tổ chức bên ngoài làm việc về các chỉ dẫn, như Ủy ban Phát triển Bền vững. Mục tiêu là xây dựng một hệ thống lập báo cáo tương hợp về khu vực tư nhân và cấp chính phủ ("liên kết vĩ mô-vi mô"),
  15. Tuy nhiên cần phải nhớ là mọi sản phẩm đều có một số tác động xấu trong thời gian sống của nó. Vì vậy mọi hệ thống cấp nhãn hiệu sinh thái đều có liên quan khi chúng chú ý tới các sản phẩm ít gây hại hơn so với các sản phẩm khác.
  16. Kế hoạch cấp chứng chỉ khoa học của Mỹ có lẽ chỉ là chương trình phù hợp với định nghĩa này. Xem UNCTAD (1994c) trang 6.
  17. Tài liệu này có trong WD.
  18. Những cơ quan này là Công nhận Đánh giá hệ thống chất lượng (QSWAR) và CASCO.
  19. Kế hoạch quản lý và kiểm toán môi trường Châu Âu (EMAS) và BS 7750 của Anh gồm có một danh mục đầy đủ về các lĩnh vực môi trường cần phải được khảo sát. Chúng bao gồm những phát tán vào khí quyển được kiểm soát và không được kiểm soát. Những dòng thải vào các nguồn nước hoặc hệ thống cống rãnh, chất thải rắn và các loại chất thải khác, nhiễm bẩn đất đai, tiếng ồn, mùi, bụi, rung động và tác động thị giác. Các đại biểu của Mỹ cho rằng tính nghiêm ngặt của các quy chế EMAS là những quy chế gây ra những hàng rào cản trở thương mại nhất. Họ đưa ra các tiêu chuẩn được viết theo cách thức cho phép các công ty xác định các vấn đề quan trọng cho hoạt động và các sản phẩm riêng của mình.
  20. Từ 22 bảng câu hỏi điều tra gửi đi, chúng tôi đã nhận được 15 bảng trả lời. 6 trong số đó là từ các nước đang phát triển. Thông tin bổ sung thu được từ một số câu trả lời từ các cuộc phỏng vấn cá nhân.
  21. Thí dụ, chúng có thể được Ủy ban Châu Âu về các tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ, Canada, Ôxtrâyliya, Nhật Bản, Nam Phi, Mauritius và Zimbabwe chấp thuận. Các nước khác của khu vực Châu Mỹ hiện chưa có các tiêu chuẩn trong nước của mình. Các chuyên gia Trinidad và Tobago, Brazil tin rằng nước họ sẽ chấp thuận và áp dụng các tiêu chuẩn ISO 14001 và liên quan.
  22. Thí dụ, Bộ quốc phòng Anh và Bộ Năng lượng Mỹ đã chỉ rằng họ sẽ đòi chứng chỉ ISO 14001 từ các nhà cung ứng của mình, theo Mr.J. Cascio, IBM Corp.
  23. Tuy nhiên theo Mr.J.Cascio (IBM) báo cáo một công ty sạch hiện cần những thông tin về việc làm thế nào để có được chứng chỉ ISO 14001. Đối với công ty này, chứng chỉ có thể thích hợp như là một hợp đồng của các công ty lớn.
  24. Các công ty đã có hệ thống quản lý môi trường (thí dụ là các công ty đã có chứng chỉ BS7750) cần phải có khả năng trở thành có chứng chỉ ISO 14001 bằng cách là phải hiệu chỉnh các thủ tục hiện có của mình theo hệ thống thuật ngữ của ISO.
  25. Theo J.C. Stans, và các cố vấn Hà Lan. Một số các công ty đã quyết định kết hợp các lĩnh vực môi trường vào các cảm nang về chất lượng và các thủ tục hiện có.
  26. Dự tính theo Ferrone Cố vấn của Excel Partneship, Inc. Sansy Hook (Mỹ)

27. Thí dụ IBM đã đầu tư 100 triệu đôla thời gian cán bộ để đáp ứng các yêu cầu của ISO 9000. Theo J.Cascio (IBM), 93% chi phí cho việc xây dựng hệ thống quản lý môi trường là các chi phí nội bộ.
28. Xem: Cascio, J. (1994), trang 42, NSF. - cơ quan đăng ký Mỹ, liệt kê các nhân tố sau đây có tác động tới thời gian dành cho kiểm toán đăng ký: phân chia địa điểm, phân loại sản phẩm, các hoạt động bên ngoài, tăng trưởng hợp không tuân thủ, trình độ tự động hoá, tính phức tạp của tư liệu hoá, nhu cầu chuyên môn kỹ thuật. Xem: NSF International (1995)
29. Theo Lloyds - đăng ký viên quốc tế, theo Ferrone - cố vấn của Exel Partnershil Inc. Sandy Hook (Mỹ)
30. Con số này gồm cả các chi phí đi lại và các chi phí cho các kiểm toán viên. Nó chỉ gồm các dịch vụ chủ yếu cần thiết cho đăng ký và các dịch vụ bắt buộc thí dụ như cuộc kiểm tra ban đầu của đăng ký viên hoặc chứng nhận đăng ký bổ sung.
31. Theo các dự thảo TC207, việc đưa ra cách tiếp cận hệ thống sẽ dẫn đến một số "cải thiện trong hoạt động môi trường". Xem: ISO ( 1995a) trang 3.
32. Thí dụ, ở Nam Phi những tác động quan trọng nhất là từ các nhà đầu tư nước ngoài và thương mại quốc tế ngược lại những sức ép luật pháp, các sức ép từ các tổ chức phi chính phủ trong nước hoặc người tiêu dùng nhạy cảm về sinh thái là ít quan trọng hơn.
33. Xem: ISO ( 1995) trang 18 và 19.
34. Xem: ISO ( 1995) trang 5.
35. Đối với các công ty được cấp chứng chỉ ngược lại với tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường BS 7750 của Anh, điều đó đã trở thành một thực tế chung để gửi các bảng câu hỏi điều tra cho các nhà cung ứng của mình nhằm đánh giá hoạt động của họ. Trong một số trường hợp các bảng câu hỏi là rất phức tạp đòi hỏi phải có những điều tra nhiều mặt mới trả lời được chúng. Thí dụ, công ty Thiết kế Phân bố (D2D) đã xây dựng một "chương trình buôn bán nhà đất được thừa nhận" chương trình này đòi hỏi những người cung ứng muốn trở thành những người buôn bán nhà đất được thừa nhận thì họ phải đáp ứng được một loạt các chỉ tiêu gia nhập, bao gồm cả các chỉ tiêu về môi trường. Phụ thuộc vào các câu trả lời đối với bảng câu hỏi điều tra, các nhà cung ứng được xếp vào 4 cấp. Những người cung ứng nào không cải thiện những hoạt động của mình thì bị loại ra, D2D hiện đang thực hiện một bước tiếp theo là yêu cầu các nhà cung ứng của mình phân tích hoạt động của người cung ứng riêng của họ. Xem: Hilary, R. ( 1995)
36. Theo El-Tawil, ISDO, DEVCO, 6/1995
37. Mặc dù các hoàn cảnh là khác nhau. Một số nước, thí dụ như Nam Phi báo cáo về tình trạng nguồn lực thích hợp, theo Hobbs, Diễn đàn Môi trường công nghiệp của Nam Phi.
38. Xem: UNCTAD (1994c) và UNCTAD (1995a).
39. Kinh nghiệm với BS 7750 tại Nam Phi cho thấy là số lượng các cố vấn nước ngoài là rất lớn. Điều đó có thể xảy ra đối với ISO 14001.
40. Một thí dụ tính chi phí cho công ty nhỏ trong Phụ lục 3 minh họa là tổng các chi phí tăng mỗi khi công ty có thuê các cố vấn và các đăng ký viên nước ngoài.
41. Xem: UNCTAD ( 1994c).
42. Thí dụ ở Canada và Đức hơn 70% đề nghị cho các loại sản phẩm mới là do sản xuất công nghiệp trong nước. Xem: UNCTAD ( 1994c) trang 12.
43. Xem: UNCTAD ( 1994c) và UNCTAD ( 1995a).
44. Xem: UNCTAD ( 1994c).
45. Thí dụ, để đánh giá tác động môi trường của giấy, cần phải xem sản phẩm (giấy mới hay giấy tái chế khối lượng tái chế, v.v.) và giấy được sản xuất như thế nào (dùng hoá chất độc, các phát tán, v.v...).
46. Thí dụ kế hoạch cấp nhãn hiệu sinh thái của Pháp gồm có thanh tra tại chỗ phải được tiến hành bởi một công chức được thừa nhận của một cơ quan thẩm quyền xây dựng tiêu chuẩn AFNOR. Xem: UNCTAD ( 1994), trang 15.
47. Theo Weissman, Green Seal Inc., Washington (Mỹ).

48. Các cá nhân sẽ giải thích các hoàn cảnh một cách khác nhau. Vì thế việc kiểm toán có thể chẳng bao giờ được khách quan một cách hoàn toàn.
49. Những yêu cầu của Luật này là tương tự với những yêu cầu có trong một số tài liệu dự thảo ISO của loạt 14000 liên quan tới các thủ tục không phân biệt. Hơn nữa Thỏa thuận về các cản trở kỹ thuật đối với Thương mại (TBT) yêu cầu phải phát hành các tiêu chuẩn dự thảo. Việc chấp thuận hoặc bác bỏ Đạo luật này cần phải thông báo cho Trung tâm Thông tin ISO/IEC tại Ginevơ. Xem: TBT và ITC ( 1995), trang 3.
50. Đối với việc tranh luận hiện nay trong ISO/CASCO về một cơ quan ủy quyền cỡ quốc tế riêng, thì người ta không đề nghị phải xây dựng một cơ quan ủy quyền quốc gia được tiến hành đầu tiên ở nước đang phát triển.
51. Việc phân chia thích hợp những nỗ lực giữa việc cấp chứng chỉ nhà nước và tư nhân phụ thuộc vào chất lượng cung cấp các dịch vụ này của nhà nước và của tư nhân. Nếu các sản phẩm hoặc các công ty nào đó có chứng chỉ do một tổ chức trong nước cụ thể cấp và các sản phẩm hoặc các công ty đó được những người tiêu dùng biết đến là không đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra, thì lúc đó uy tín của hệ thống tiêu chuẩn trong nước cũng như các sản phẩm sẽ bị thiệt hại và có thể gây ra những vấn đề cho những nhà xuất khẩu trong nước.
52. Hiện nay Brazil là một thành viên duy nhất thuộc các nước đang phát triển, trừ Zimbabwe, Ấn Độ, Singapo là những nước sắp tới sẽ tham gia. Có những tiếp xúc với Columbia là nước đang xây dựng kế hoạch cấp nhãn hiệu môi trường.
53. Theo Weissman, Mạng lưới cấp nhãn hiệu Sinh thái Toàn cầu.
54. Xem: Navarrete, R.V. trong ISO/CASCO (1995a).
55. Thí dụ: "nguyên tắc bậc thang" cho việc cấp nhãn hiệu sinh thái do INEM đề nghị với TC207. Nguyên tắc này định ra trước các cấp trong trong hoạt động môi trường tạo cho các hãng có khả năng đạt được mức đề ra bằng nhiều cách thức khác nhau. Điều này tạo thuận lợi cho các công ty giảm được các chi phí. Xem INEM (1994). Hơn nữa INEM đã có đề xuất một cách kiểm toán đơn giản cho các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ.

### Thư Mục Tài Liệu

- Thoả thuận về các cản trở Kỹ thuật đối với Thương mại.  
Agreement on Technical Barriers to Trade
- Đại cương về tiêu chuẩn quản lý môi trường toàn cầu.  
Cassio, J. (1994): "A primer on global environmental management standards", -  
Environmental Today, June
- Những thách thức và những cơ hội: tầm quan trọng ngày càng tăng của các tiêu chuẩn như là một yếu tố của các thể mạnh cạnh tranh của một nước trong thị trường toàn cầu.  
Dahlman, C.J.(1992): "Challenges and Opportunities: The increasing importance of standards as an element of a country's competitive positions in the global market place",  
Paper for the World Bank/ISO Seminar, Washington, D.C.
- Bảo vệ Môi trường ( 1994)  
Environmental Protection (1994): The Appeal of ISO and World Standards. April
- GATT ( 1994): Báo cáo trình bày tại Hội nghị GATT về Thương mại, Môi trường và Phát triển bền vững.  
GATT (1994): Paper presented at the GATT Symposium on Trade, Environment and Sustainable Development, TE 009, July.
- Cấp nhãn hiệu môi trường - Điềm khác nhau giữa các kế hoạch và việc chúng có tác động tới thương mại quốc tế là gì?  
Henry, J. (1994): Environmental Labeling - What is the difference between schemes and will they have an impact on world trade? PASC Environmental Forum, Bangkok.

- So sánh ISO 14000 và Kế hoạch Quản lý và Kiểm toán môi trường Châu Âu.  
Hillary, R.(1995): ISO 14001 and EMAS Compression, Centre for Environmental Technology, London.
- Đề xuất về một nguyên tắc chung mới cần được áp dụng vào các chương trình cấp nhãn hiệu sinh thái.  
INEM (1994a): Proposal for a new general principle to be applied to Eco-labelling programmes, ISO/TC207/SC3.
- Các mối quan hệ thương mại quốc tế của các tiêu chuẩn Môi trường thống nhất.  
INEM (1994a): Intentional Trade Applications of Unified Environmental Standards, PASC Environment Forum, Bangkok.
- Cập nhật các hệ thống Môi trường Quốc tế: 1/1995 đến 8/1995.  
International Environmental Systems Update: January 1995 to August 1995.
- Các hệ thống quản lý môi trường - Hướng dẫn chung về các nguyên tắc, Hệ thống và Kỹ thuật hỗ trợ.  
ISO (1995): Environmental Management Systems - General Guidelines on Principles, Systems and Supporting Techniques, Committee Draft ISO/CD 14000.
- Các hệ thống quản lý môi trường - Cụ thể hoá cho hướng dẫn sử dụng.  
ISO (1995a): Environmental Management Systems - Specification with Guidance for use, Committee Draft ISO/CD 14001.2.
- Hướng dẫn kiểm toán Môi trường - các chỉ tiêu về trình độ chuyên môn đối với kiểm toán viên môi trường.  
ISO (1995b): Guidelines for Environmental Auditing - Qualification criteria for environmental auditors, Committee Draft ISO/CD 14012. 1-2.
- Hướng dẫn kiểm toán Môi trường - các thủ tục kiểm toán - Phần I: Kiểm toán các hệ thống quản lý môi trường.  
ISO (1995c): Guidelines for Environmental Auditing - Audit procedures - part I: Auditing of Environmental Management Systems, Committee Draft ISO/CD 14012. 1-
- Hướng dẫn kiểm toán Môi trường - các nguyên tắc chung về kiểm toán môi trường.  
ISO (1995d): Guidelines for Environmental Auditing - General principles of environmental Auditing, Committee Draft ISO/CD 14010.2.
- Quản lý Môi trường - Đánh giá chu trình sống - Các nguyên tắc và hướng dẫn.  
ISO (1995e): Environmental Management - Life Cycle Assessment - Principles and Guidelines, Committee Draft ISO/CD 14040.2
- Cấp nhãn hiệu môi trường - Những xác nhận môi trường tự tuyên bố - những thuật ngữ và các định nghĩa.  
ISO (1995f): Environmental Labelling - Self declaration environmental claims - teens and definitions, Committee Draft ISO/CD 14021.
- Cấp nhãn hiệu môi trường - Các chương trình thực hiện - Các nguyên tắc hướng dẫn, các thực tế và thủ tục cấp chứng chỉ về đa chỉ tiêu.  
ISO (1995g): Environmental Labelling - Practitioner programs - Guiding principles, prelacies and certification procedures of multiple criteria, Committee Draft ISO/CD 14020.
- Chương trình ISO cho các nước đang phát triển 1995-1997.
- Thành viên.  
ISO (1995i): Membership.
- Cẩm nang phát triển No 1 - Xây dựng và quản lý cơ quan tiêu chuẩn quốc gia  
ISO (1994): Development Manual No 1 - Establishment and management of a national standards body.
- Cẩm nang phát triển No 7 - Sự tham gia vào quá trình tiêu chuẩn hoá quốc tế.  
ISO (1992): Development Manual No 7 - Participation in intentional standardization.

- Cẩm nang phát triển No 6 - áp dụng các tiêu chuẩn.  
ISO (1991): Development Manual No 6 - Application of standards.
- Đánh giá sự tuân thủ, 3rd ed., Geneva.  
ISO/IEC (1995): Conformity Assessment, 3rd ed., Geneva.
- Tài liệu công tác, Cuộc họp lần thứ 11, Gionevơ.  
ISO/CASCO (1995) Working documents, 11 th meeting, Geneva.
- Tài liệu Hội nghị, Đánh giá sự tuân thủ đối với Quản lý môi trường.  
ISO/CASCO (1995a): Proceedings, Conformity Assessment for Environmental Management, ISO/CASCO-ISO/TC207 workshop, Export Quality, No 44.
- Thoả thuận của Tổ chức Thương mại Quốc tế về các hàng rào kỹ thuật đối với Thương mại - những quan hệ đối với các nước đang phát triển.  
ITC (1995): The World Trade Organization Agreement for Technical Barriers to Trade - implications for developing countries, Export Quality No 44.
- Cấp nhãn hiệu sinh thái và Thương mại quốc tế.  
ITC (1994): Eco-labelling and Intentional Trade, Export Quality No.42.
- Hệ thống quản lý chất lượng  
ITC (1994a): Quality Management Systems, Export Quality No.42.
- Cấp nhãn hiệu sinh thái và Thương mại quốc tế.  
Jha, V. et al. (1993): Ecolabelling and Intentional Trade, UNCTAD, Discussion paper No.70.
- NSF Quốc tế - đăng ký ISO 9000  
NSF International (1995): NSF International - The ISO 9000 register you can count on.
- Đầu tiên đó là ISO 9000, bây giờ là ISO 14000, Tháng Sáu.  
Quality Digest (1994): First there was ISO 9000, now there is ISO 14000, July.
- Đến ISO 9000: Quản lý môi trường.  
The Total Quality Review (1994): Beyond ISO 9000: Environmental Management", July/August.
- Các chính sách môi trường cấp bách mới đây nhất có tác động tới thương mại: Trang luận sơ bộ.  
UNCTAD (1995): Newly Emerging Environmental Policies with a Possible Trade Impact: A preliminary Discussion, TD/B/WG.6/9.
- Các lĩnh vực Thương mại, Môi trường và Phát triển trong các chương trình thiết lập và cấp nhãn hiệu sinh thái.  
UNCTAD (1995a): Trade, Environment and Development Aspects of Establishing and Operating Eco- labelling Programmes, TD/B/WG.6/9.
- Báo cáo về hội thảo chuyên đề về cấp nhãn hiệu sinh thái và Thương mại quốc tế, Gionevơ.  
UNCTAD (1994a): Report on the workshop on Eco-labelling and Intentional Trade, Geneva, TD/B/WG.6/5.
- Bản tin UNCTAD, Số 27/28  
UNCTAD (1994b): UNCTAD Bulletin, No. 27/28.
- Hợp tác quốc tế về cấp nhãn hiệu sinh thái và các chương trình cấp chứng nhận sinh thái.  
UNCTAD (1994c): International Corporation on Eco-labelling and Eco-Certification Programmer, TD/B/WG. 6/2.